BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

TÀI LIỆU
BỒI DƯỠNG NHẬN THỨC VỀ ĐẢNG

(Xuất bản lần thứ 20 có sửa chữa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2022

LỜI GIỚI THIỆU

Bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho học viên lớp đối tượng kết nạp Đảng là công việc quan trọng, giúp học viên xây dựng động cơ vào Đảng đúng đắn, tích cực phấn đấu và rèn luyện để trở thành đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhận thức được ý nghĩa đặc biệt quan trọng đó, trong những năm qua, Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng đã chủ trì biên soạn và phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn ***Tài liệu bồi dưỡng nhận thức về Đảng***. Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng đã cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa nội dung tài liệu nhằm cung cấp, quán triệt cho học viên, giảng viên lý luận chính trị những kiến thức cơ bản về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; những quan điểm chỉ đạo mới nhất của Đảng và mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nội dung tài liệu gồm 5 bài:

Bài 1: Khái quát lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bài 2: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Bài 3: Nội dung cơ bản của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bài 4: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Bài 5: Phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Mỗi bài học đều có những nội dung thảo luận giúp người học hệ thống lại kiến thức, liên hệ với thực tiễn, trên cơ sở đó tích cực phấn đấu, rèn luyện để trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 4 năm 2022

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Bài 1

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Trong hơn 90 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam đã giành được những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử, mở ra kỷ nguyên mới trong sự phát triển của dân tộc: kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định "là cả một pho lịch sử bằng vàng"[1]. Kho tàng lịch sử quý giá đó không chỉ gồm những sự kiện lịch sử oanh liệt, hào hùng của Đảng và dân tộc mà còn là những kinh nghiệm, những bài học lịch sử, những vấn đề lý luận về cách mạng Việt Nam được tổng kết từ hiện thực

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.494.

lịch sử. Học tập, nghiên cứu lịch sử Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về lý luận và thực tiễn đối với mỗi chúng ta.

I- ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI - BƯỚC NGOẶT QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Tình hình xã hội Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời

Từ năm 1858, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành xâm lược Việt Nam, từng bước thiết lập chế độ thống trị của chủ nghĩa thực dân trên đất nước ta.

Về chính trị, thi hành chính sách "chia để trị", thực dân Pháp chia Việt Nam thành ba kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ) với ba chế độ chính trị khác nhau nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp. Mọi quyền lực đều tập trung trong tay người Pháp. Với chính sách "dùng người Việt trị người Việt", thực dân Pháp tiến hành đàn áp dã man mọi phong trào yêu nước, ngăn chặn ảnh hưởng của các trào lưu tiến bộ từ bên ngoài vào nước ta.

Về kinh tế, thực dân Pháp ra sức vơ vét, bóc lột tàn bạo nhân dân ta, triệt để khai thác tài nguyên, sức lao động của dân bản xứ. Chúng còn đặt ra nhiều hình thức thuế vô lý, vô nhân đạo và duy trì bóc lột kiểu phong kiến, đẩy nhân dân ta vào cảnh bần cùng, kìm hãm sự phát triển, biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của chính quốc, nền kinh tế lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

Về văn hóa - xã hội, thực dân Pháp thực hiện chính sách "ngu dân", lập nhà tù nhiều hơn trường học, dùng rượu cồn, thuốc phiện để đầu độc thanh niên; ra sức tuyên truyền tư tưởng "khai hóa văn minh" của nước Pháp, kìm hãm nhân dân ta trong vòng dốt nát, lạc hậu, phục tùng sự cai trị của chúng.

Quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam có những biến đổi, các giai cấp trong xã hội phong kiến tiếp tục phân hóa, đồng thời xuất hiện các giai cấp, tầng lớp mới là công nhân, tư sản, tiểu tư sản. Việt Nam chuyển từ chế độ phong kiến sang chế độ thuộc địa - nửa phong kiến. Trong xã hội Việt Nam, ngoài mâu thuẫn vốn có giữa nông dân với địa chủ

phong kiến, xuất hiện mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và chính quyền tay sai. Mâu thuẫn này ngày càng trở nên gay gắt và trở thành mâu thuẫn chủ yếu.

Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và nhiệm vụ chống địa chủ phong kiến tay sai không tách rời nhau. Đấu tranh giành độc lập dân tộc gắn chặt với đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ. Đó là yêu cầu đặt ra với cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX cần được giải quyết.

2. Phong trào đấu tranh của nhân dân ta trước khi Đảng ra đời

Trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước lâu dài, gian khổ, dân tộc ta sớm hình thành truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh anh dũng, bất khuất. Vì vậy, ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược, nhân dân ta đã liên tiếp đứng lên chống trả quyết liệt, đã có hàng trăm cuộc khởi nghĩa. Ở Nam Bộ có các cuộc khởi nghĩa của nông dân dưới sự lãnh đạo của Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực... Phong trào yêu nước

theo lập trường phong kiến có phong trào Cần Vương; đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản có: xu hướng bạo động do Phan Bội Châu tổ chức với phong trào Đông du, tổ chức Việt Nam Quang phục Hội; xu hướng cải cách của Phan Chu Trinh với chủ trương "bất bạo động, bạo động tắc tử", phải "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh", tiêu biểu có phong trào Duy Tân với đỉnh cao là vụ chống thuế ở Trung Kỳ; cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Nguyễn Thái Học... Các cuộc khởi nghĩa, phong trào đấu tranh đó vô cùng anh dũng, nhưng đã bị thực dân Pháp đàn áp tàn bạo và cuối cùng đều thất bại.

Nguyên nhân cơ bản dẫn tới thất bại của các cuộc khởi nghĩa, phong trào đấu tranh yêu nước là do những người đứng đầu chưa tìm được con đường cứu nước đáp ứng đúng nhu cầu phát triển của thời đại và xã hội Việt Nam. Cách mạng Việt Nam đứng trước sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước. Việc tìm một con đường cứu nước đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc và thời đại là nhu cầu bức thiết nhất của dân tộc ta lúc bấy giờ.

3. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước

Trong lúc cách mạng Việt Nam đang lâm vào cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, ngày 5/6/1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành (sau này là Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh...) ra nước ngoài để tìm con đường cứu nước. Người đã đi qua nhiều quốc gia trên thế giới (Pháp, Mỹ, Anh,...), vừa lao động kiếm sống, vừa học tập, nghiên cứu, tìm hiểu các cuộc cách mạng. Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi đã tác động, ảnh hưởng tới Nguyễn Ái Quốc, Người từ Anh trở lại Pháp. Năm 1919, Người tham gia Đảng Xã hội Pháp. Tháng 6/1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*. Dù không được đáp ứng, nhưng bản yêu sách đã gây tiếng vang lớn trong dư luận quốc tế.

Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin. Luận cương đã giải đáp những vấn đề mà Nguyễn Ái Quốc đang trăn trở, giúp Người xác định được con đường

cứu nước, cứu dân đúng đắn. Nguyễn Ái Quốc đã tán thành Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Sự chuyển biến mang tính bước ngoặt từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản, từ một chiến sĩ giải phóng dân tộc trở thành một chiến sĩ cộng sản quốc tế của Nguyễn Ái Quốc đã mở ra một thời kỳ mới của phong trào yêu nước, phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản. Sự kiện đó cũng đánh dấu bước ngoặt trong sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam.

Từ đây, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực tham gia hoạt động trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào cách mạng thuộc địa; nghiên cứu và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam qua các báo *Người cùng khổ, Nhân đạo, Đời sống công nhân* và đặc biệt là tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (năm 1925) có ý nghĩa quan trọng trong việc giác ngộ thanh niên Việt Nam về con đường đấu tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức dưới ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười Nga.

Sau một thời gian tham gia học tập ở Liên Xô và hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, Quốc tế

Nông dân, tháng 11/1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc) trực tiếp chỉ đạo, đào tạo bồi dưỡng những "hạt giống đỏ" cho cách mạng Việt Nam, chuẩn bị thành lập một chính đảng vô sản ở Việt Nam. Tháng 6/1925, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, xuất bản báo *Thanh niên* và mở các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ. Những bài giảng của Người tại các lớp huấn luyện được tập hợp trong cuốn *Đường kách mệnh* (năm 1927), tác phẩm thể hiện vai trò của lý luận cách mạng, góp phần quan trọng tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước. Người tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cốt cán, tích cực chuẩn bị về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng.

Chủ nghĩa Mác - Lênin và các tài liệu tuyên truyền của Nguyễn Ái Quốc được giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam đón nhận như "người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn"[1]; lôi cuốn những người yêu nước Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản; làm dấy lên cao trào đấu tranh mạnh mẽ, sôi nổi khắp cả nước.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.11, tr.173.

Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân phát triển mạnh mẽ, giai cấp công nhân ngày càng trưởng thành, trở thành một lực lượng chính trị độc lập, đòi hỏi phải có tổ chức đảng chính trị lãnh đạo.

4. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đến nửa cuối năm 1929, đầu năm 1930, ở Việt Nam, các tổ chức cộng sản lần lượt được thành lập: Ngày 17/6/1929, Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập ở Bắc Kỳ. Tháng 8/1929, An Nam Cộng sản Đảng được thành lập ở Nam Kỳ. Cuối tháng 12/1929, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn được thành lập ở Trung Kỳ.

Sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam phản ánh bước tiến nhảy vọt của phong trào công nhân và phong trào yêu nước, phù hợp với xu thế và nhu cầu bức thiết của lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên, sự tồn tại của ba tổ chức cộng sản hoạt động biệt lập, mâu thuẫn trong việc vận động, thu hút quần chúng tham gia có nguy cơ dẫn đến chia rẽ lớn. Yêu cầu bức thiết đặt ra là cần thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng cộng sản duy nhất để lãnh đạo phong trào cách mạng của giai cấp

công nhân và nhân dân Việt Nam. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - cán bộ của Quốc tế Cộng sản, lãnh tụ cách mạng lỗi lạc của dân tộc Việt Nam - là người đã đứng ra triệu tập đại biểu các tổ chức cộng sản để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ ngày 6/1/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản được tổ chức tại bán đảo Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị nhất trí thành lập một đảng thống nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam mang tầm vóc lịch sử như là Đại hội thành lập Đảng[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh

---

1. Hội nghị bắt đầu họp vào ngày 6/1/1930, các đại biểu trở về nước ngày 8/2/1930. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9/1960) đã quyết nghị "từ nay trở đi sẽ lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch mỗi năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng" (Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.21, tr.904).

dân tộc ở nước ta trong những năm đầu thế kỷ XX, là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước, là kết quả của quá trình khảo nghiệm, lựa chọn, sàng lọc nghiêm khắc của lịch sử và của quá trình chuẩn bị đầy đủ về chính trị, tư tưởng và tổ chức của một tập thể chiến sĩ cách mạng, đứng đầu là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Sự kiện này đánh dấu một bước ngoặt trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước. *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng* do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, được Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua, đã xác định: Cách mạng Việt Nam phải tiến hành cách mạng tư sản dân quyền (tức cách mạng giải phóng dân tộc) và cách mạng ruộng đất (thổ địa cách mạng) để đi tới xã hội cộng sản, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là con đường cách mạng được lựa chọn để thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh, đường lối cách mạng đúng đắn chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta.

II- THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Đảng lãnh đạo và tổ chức các cuộc đấu tranh cách mạng, khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Ngay khi vừa mới ra đời, Đảng ta đã quy tụ, đoàn kết chung quanh mình tất cả các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước, xây dựng nên lực lượng cách mạng to lớn và rộng khắp, đấu tranh chống thực dân Pháp và phong kiến tay sai vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Qua 15 năm đầu tiên lãnh đạo cách mạng (1930 - 1945), trải qua các cuộc đấu tranh gian khổ, với ba cao trào cách mạng lớn (1930 - 1931,

1936 - 1939, 1939 - 1945), khi thời cơ đến, Đảng đã lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công. Nhân dân Việt Nam đã đập tan xiềng xích nô lệ của chế độ thực dân và lật đổ chế độ phong kiến đã suy tàn, lạc hậu.

Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lập nên nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Dân tộc ta bước sang kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đánh giá về ý nghĩa lịch sử của sự kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng *mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc*"[1].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.25.

2. Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng và tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, thống nhất đất nước (1945 - 1975)

a) Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946)

Ngay khi vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phải đối mặt với ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Nạn đói hoành hành đầu năm 1945 đã làm chết gần hai triệu người ở miền Bắc. Trên 90% dân số Việt Nam không biết chữ. Ở miền Bắc nước ta, gần 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc đã tràn vào dưới danh nghĩa quân Đồng minh, chiếm đóng các địa bàn quan trọng về chính trị, quân sự, kinh tế, các tuyến giao thông huyết mạch; các thế lực phản động cũng kéo vào, ra sức chống phá cách mạng, nguy hiểm nhất là Việt Quốc và Việt Cách. Ở miền Nam, hơn 1 vạn quân Anh làm nhiệm vụ giải giáp phát xít Nhật, núp sau là quân Pháp tràn vào. Được sự tiếp tay và hỗ trợ, đến ngày 22, rạng ngày 23/9/1945, quân Pháp bất ngờ đánh chiếm Ủy ban

nhân dân Nam Bộ, Sở Cảnh sát và nhiều cơ quan, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Trong khi đó, lực lượng mọi mặt của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới thành lập còn rất non yếu; vận mệnh của đất nước trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc". Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã kịp thời đề ra và thực hiện các chủ trương, quyết sách đúng đắn, toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng, ngoại giao để củng cố Nhà nước dân chủ nhân dân, đối phó với các thế lực thù địch và giải quyết các nhiệm vụ cấp bách khác. Nhằm vạch ra chủ trương, giải pháp đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ vững nền độc lập, tự do, ngày 25/11/1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*, vạch con đường cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Chỉ thị nhấn mạnh khẩu hiệu đấu tranh lúc này là "Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết", đồng thời xác định kẻ thù chính của dân tộc ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược. Để củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng, Trung ương Đảng nêu rõ cần tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc. Hai nhiệm vụ

này có quan hệ khăng khít, không thể tách rời. Trên cơ sở chủ trương, biện pháp đó, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triển khai hàng loạt các biện pháp cấp bách, trước hết là đẩy lùi "giặc đói", phát động phong trào tăng gia sản xuất, chống đói; bài trừ "giặc dốt" nhằm phát triển văn hóa truyền thống tốt đẹp, xây dựng giá trị văn hóa mới tiến bộ.

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định tổ chức cuộc Tổng tuyển cử vào ngày 6/1/1946. Đây là sự kiện lịch sử trọng đại, mở đầu cho quá trình xây dựng chế độ dân chủ mới, với việc bầu Quốc hội, lập Chính phủ và xây dựng Hiến pháp; bộ máy chính quyền các cấp được kiện toàn.

Cùng với việc trấn áp các phần tử phản động, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện chính sách đối ngoại mềm dẻo, khôn khéo, lợi dụng mâu thuẫn và phân hóa kẻ thù, tranh thủ thời gian để củng cố chính quyền và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến không thể tránh khỏi. Với đường lối chính trị đúng đắn, cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, Đảng đã động viên được sức mạnh đoàn kết toàn dân, triệu người như một, vượt qua muôn vàn khó khăn, nguy hiểm

để củng cố, giữ vững chính quyền, đưa cách mạng vượt qua tình thế hiểm nghèo, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược.

b) Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954)

Mặc dù nhân dân Việt Nam mong muốn hòa bình, song thực dân Pháp quyết cướp nước ta một lần nữa. Trước mưu đồ và hành động xâm lược của thực dân Pháp, Đảng đã chủ động và kịp thời đề ra chủ trương để lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc. Ngày 12/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*. Đêm 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đồng loạt đứng lên với quyết tâm "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"[1]. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, Đảng đã lãnh đạo quân và dân cả nước vượt qua mọi khó khăn,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.534.

từng bước giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, nhân dân Việt Nam đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

Đánh giá ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới"[1].

Thắng lợi đó làm sáng tỏ một chân lý: "... trong điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc dù là nhỏ yếu, nhưng một khi đã đoàn kết đứng lên kiên quyết đấu tranh dưới sự lãnh đạo của chính đảng Mác - Lênin để giành độc lập và dân chủ, thì có đầy đủ lực lượng để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Thắng lợi đó cũng chứng tỏ rằng chỉ có sự lãnh đạo đúng đắn của giai cấp công nhân mà Đảng ta là đại biểu, chỉ có đường lối cách mạng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.410.

khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin mới có thể tạo điều kiện cho nhân dân ta đánh bại quân thù và giành tự do, độc lập"[1].

c) Đảng lãnh đạo nhân dân tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1975)

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới với nhiều thuận lợi, song cũng đứng trước nhiều khó khăn, phức tạp. Đất nước tạm thời chia làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Yêu cầu cấp thiết là phải đề ra đường lối đúng đắn, vừa phù hợp với tình hình mỗi miền và cách mạng cả nước, vừa phù hợp với xu thế của thời đại. Cách mạng Việt Nam lúc này có hai nhiệm vụ chiến lược:

Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Hai là, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.21, tr.500.

nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước[1].

Nhiệm vụ của cách mạng mỗi miền thuộc hai chiến lược khác nhau nhưng có mối quan hệ mật thiết với nhau; trong đó cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam; cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Trong cuộc đọ sức quyết liệt này, đế quốc Mỹ đã huy động và sử dụng một lực lượng quân sự và phương tiện chiến tranh khổng lồ hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng nước ta. Trải qua 21 năm chiến đấu kiên cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh, được sự đồng tình ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa và các lực lượng tiến bộ

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.21, tr.916.

trên thế giới, đã lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân ở miền Bắc, buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán tại Pari. Với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; chấm dứt ách thống trị tàn bạo trong hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước; bảo vệ thành quả của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thống nhất đất nước, mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên cả nước độc lập, thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đánh giá tầm vóc vĩ đại và ý nghĩa lớn lao của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (năm 1976) khẳng định: "Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất,

một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc"[1].

3. Đảng lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

Bước vào thời kỳ đất nước thống nhất, cùng quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cách mạng Việt Nam có những thuận lợi, song cũng đối mặt với không ít khó khăn. Khó khăn lớn nhất là nền kinh tế lạc hậu, sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp, hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại. Trong quan hệ quốc tế, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động bên ngoài tìm mọi cách phá hoại, bao vây, cô lập, cấm vận, gây khó khăn cho cách mạng Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong 10 năm (1975 - 1985), Việt Nam đã vượt qua những khó khăn, trở ngại, khủng hoảng kinh tế - xã hội, trong đó có

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.37, tr.471.

các cuộc chiến tranh biên giới và tình trạng vừa có hòa bình, vừa có nguy cơ xảy ra chiến tranh, đạt được những thành tựu quan trọng. Trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, nhân dân ta đã có những cố gắng to lớn trong công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, bước đầu ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, những thành tựu về kinh tế - xã hội đạt được còn thấp so với yêu cầu, kế hoạch và công sức bỏ ra; nền kinh tế có mặt mất cân đối nghiêm trọng, tỷ lệ lạm phát cao quá mức, đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Với phương châm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986), Đảng đã nghiêm khắc kiểm điểm, nêu rõ những mặt làm được, đồng thời phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đặc biệt là khuyết điểm chủ quan, duy ý chí trong lãnh đạo kinh tế. Đại hội đã đề ra đường lối *đổi mới toàn diện đất nước*, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa*

xã hội (gọi tắt là *Cương lĩnh năm 1991), Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* và đề ra những phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong 5 năm 1991 - 1995. Đại hội đưa ra quan niệm tổng quát về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng; khẳng định phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đất nước ta đã phải đối mặt và đã vượt qua những thử thách gay go, đặc biệt là sự khủng hoảng của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (từ ngày 22/6 đến ngày 1/7/1996) đã khẳng định: "Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 đã được hoàn thành về cơ bản. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa

vững chắc. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn"[1]. Đại hội đề ra nhiệm vụ: "Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội"[2] và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội từ năm 1996 đến năm 2000.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4/2001) đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII và khẳng định: Trong 5 năm 1996 - 2000, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã vượt qua những khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng. Trên cơ sở tổng kết cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX, tổng kết 15 năm đổi mới, Đại hội khẳng định: Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của đường lối

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.55, tr.356, 344.

đổi mới, đồng thời giúp nhận thức càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh[1]. Đại hội thông qua *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010*, đề ra mục tiêu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Trên cơ sở tổng kết 20 năm đổi mới, 5 năm thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010,* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4/2006) đã bổ sung, phát triển nhiều vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặt ra nhiệm vụ tổng kết 20 năm thực hiện *Cương lĩnh năm 1991*, 10 năm thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010.*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 1/2011) đã tổng kết 20 năm thực hiện

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.60, tr.129-130.

Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010* và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (tháng 1/2016), trên cơ sở tổng kết 30 năm đổi mới đã khẳng định: "Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của nước ta, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh""[1]. "Đất nước ta đã đạt được ***những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*** trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, ***nhiều hạn chế, yếu kém*** cần phải tập trung giải quyết, khắc phục để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững"[2].

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.65.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng đã nhìn nhận, đánh giá toàn diện về 10 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, 10 năm thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020*, 30 năm thực hiện *Cương lĩnh năm 1991*, 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới: "*Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Đất nước đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*"[1]. Đại hội nhấn mạnh: "Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.103-104.

là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước"[1].

Đại hội cũng thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm: "Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra còn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn. Nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn. Có biểu hiện chưa quan tâm đúng mức bảo đảm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển văn hóa, bảo đảm phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong phát triển kinh tế thị trường; chưa bảo đảm phát triển tổng thể, đồng bộ các vùng, miền, địa phương theo lợi thế so sánh và phát huy điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù. Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp"[2].

Song, phải khẳng định rằng, những thành tựu to lớn mà chúng ta đạt được có ý nghĩa lịch sử vô

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.I, tr.104, 108.

cùng quan trọng, thể hiện "kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam"[1]. Đặc biệt "trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh, phức tạp, Cương lĩnh của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, ngọn cờ chiến đấu, ngọn cờ quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc phấn đấu vì một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"[2].

III- NHỮNG TRUYỀN THỐNG VẺ VANG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam hơn 90 năm qua đã chứng minh rằng, sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.I, tr.104, 104-105.

nước ta; đồng thời chính trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta được tôi luyện, thử thách và đúc rút kinh nghiệm để ngày càng trưởng thành, xứng đáng với vai trò và sứ mệnh lãnh đạo cách mạng, xứng đáng với sự tin cậy của nhân dân. Cũng chính trong quá trình đó, Đảng ta đã tích lũy được nhiều bài học quý báu, hun đúc nên truyền thống vẻ vang, đòi hỏi các thế hệ phải có trách nhiệm giữ gìn và phát huy.

Một là, trung thành với lợi ích của dân tộc và giai cấp, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối; nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tham khảo kinh nghiệm của quốc tế để đề ra đường lối đúng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cách mạng. Trong mỗi giai đoạn, Đảng ta luôn thấm nhuần quan điểm chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam để xác định phương hướng, nhiệm vụ, phương pháp của cách mạng Việt Nam.

Ba là, tăng cường xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh làm chủ đất nước của nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, luôn luôn lấy việc phục vụ nhân dân làm lẽ sống và mục tiêu phấn đấu. Sức mạnh của nhân dân làm nên sức mạnh vô địch của Đảng; nguồn gốc sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó máu thịt với nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bốn là, đoàn kết trong Đảng. Đoàn kết thống nhất, có tổ chức và kỷ luật chặt chẽ trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình, phê bình và tình thương yêu đồng chí. Trải qua những thử thách khắc nghiệt trong nhà tù đế quốc, trước lưỡi lê, họng súng của kẻ thù hay trên chiến trường lửa đạn, các chiến sĩ cộng sản luôn là những tấm gương sáng ngời về tinh thần đoàn kết, thương yêu nhau; về tình đồng chí, đồng đội gắn bó, thủy chung. Chính tình nghĩa cộng sản đó đã gắn kết những người cách mạng Việt Nam thành một đội tiên phong được nhân dân tin yêu, bạn bè ngưỡng mộ, kẻ thù khiếp sợ; tạo thành sức mạnh để Đảng ta vượt qua mọi thử thách, hy sinh, giữ vững niềm tin và giương cao ngọn cờ lãnh đạo.

Năm là, đoàn kết quốc tế dựa trên những nguyên tắc và mục tiêu cao cả. Đây là cơ sở vững chắc để Đảng ta hình thành và thực hiện thành công đường lối đối ngoại đúng đắn qua các thời kỳ, phát huy đến đỉnh cao sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa cách mạng Việt Nam liên tục phát triển.

Truyền thống vẻ vang của Đảng là sự kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam và giai cấp công nhân quốc tế, là sức mạnh bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng. Đó là kết quả của quá trình vun trồng, xây đắp bền bỉ, là sự hy sinh, phấn đấu không mệt mỏi của các thế hệ đảng viên của Đảng. Những truyền thống đó có ý nghĩa dân tộc và quốc tế sâu sắc, thể hiện tinh thần cách mạng triệt để, trình độ trí tuệ ngày càng được nâng cao của Đảng ta.

Có thể khẳng định rằng: Ngay từ khi vừa mới ra đời, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đã nắm bắt đúng xu thế phát triển của thời đại, gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc trên lập trường của giai cấp công nhân. Vì vậy, trên con đường phát triển của cách mạng Việt Nam,

nhất là trong những bước ngoặt lịch sử phải đương đầu với thử thách hiểm nghèo, tưởng chừng không thể vượt qua, Đảng đã kịp thời có những quyết sách sáng suốt, đúng đắn, đáp ứng yêu cầu phát triển của thực tiễn, đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vững vàng tiến lên phía trước.

Cơ sở, nguồn gốc sức mạnh và truyền thống của Đảng là ở chỗ: Đảng đứng vững trên nền tảng tư tưởng tiên tiến của thời đại, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng không chỉ nắm bắt những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn vận dụng và phát triển sáng tạo trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Cơ sở, nguồn gốc sức mạnh của Đảng còn ở chỗ Đảng đã không ngừng phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và tiếp thu những tinh hoa trí tuệ của nhân loại.

Học tập, nghiên cứu lịch sử và truyền thống của Đảng để tự hào về Đảng và góp phần giữ vững, kế thừa, phát huy những truyền thống đó, làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm thời đại mới.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Phân tích hoàn cảnh ra đời và vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?
2. Từ khi ra đời tới nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân giành được những thắng lợi vĩ đại. Phân tích các thắng lợi vĩ đại trong hơn 90 năm qua?
3. Phân tích những truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam?

Bài 2

CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

A- CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG QUA CÁC THỜI KỲ

I- CƯƠNG LĨNH

1. Cương lĩnh là gì?

Trong xã hội có mâu thuẫn giai cấp đối kháng, đấu tranh giai cấp mang tính tự phát với mục tiêu kinh tế sẽ phát triển dần đến đấu tranh mang tính tự giác - đấu tranh chính trị, liên quan đến vấn đề giành hoặc giữ chính quyền. Đấu tranh chính trị đòi hỏi một giai cấp phải có mục tiêu chính trị rõ ràng, tổ chức chặt chẽ, tập hợp,

huy động được đông đảo lực lượng của giai cấp và các lực lượng liên minh với mình. Đó là yêu cầu và điều kiện ra đời của đảng chính trị. Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử đó, đảng chính trị phải có cương lĩnh chính trị (chính cương, luận cương chính trị...).

Theo ý nghĩa đó, cương lĩnh chính trị là văn bản trình bày những nội dung cơ bản về mục tiêu, đường lối, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Cương lĩnh chính trị là cơ sở thống nhất ý chí và hành động của toàn đảng, là ngọn cờ tập hợp, cổ vũ các lực lượng xã hội phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của đảng.

2. Tính chất của cương lĩnh

a) Cương lĩnh là một bản tuyên ngôn

Cương lĩnh là bản tuyên ngôn chính trị, là sự tuyên bố về tôn chỉ, mục đích của đảng chính trị; về mục tiêu, lý tưởng mà đảng phấn đấu để đạt được trước thế giới, trước công chúng, quần chúng nhân dân... V.I. Lênin viết: "Cương lĩnh là một bản

tuyên ngôn vắn tắt, rõ ràng và chính xác nói lên *tất cả những điều mà đảng muốn đạt được và vì mục đích gì mà đảng đấu tranh*"[1].

Thông qua cương lĩnh, chính đảng tập hợp lực lượng gia nhập đảng và nhận được sự ủng hộ, tự nguyện đi theo đảng của các tầng lớp nhân dân, sự ủng hộ của bạn bè quốc tế. Với Đảng Cộng sản Việt Nam, cương lĩnh chính trị là cơ sở thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, là ngọn cờ tập hợp, cổ vũ các lực lượng xã hội phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

b) Cương lĩnh là văn bản "pháp lý" cao nhất của đảng

Cương lĩnh là văn bản quan trọng nhất của đảng, là *cơ sở lý luận và đường lối cơ bản* của đảng, định hướng cho đường lối trong các lĩnh vực. Mọi văn bản, nghị quyết khác của đảng đều phải tuân thủ, phù hợp, không được trái với cương lĩnh, kể cả điều lệ đảng.

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.7, tr.203-204.

c) Cương lĩnh là văn bản có tính chiến lược lâu dài

Cương lĩnh là văn bản trình bày những nội dung cơ bản về mục tiêu, đường lối, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng trong một giai đoạn dài. Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, nếu nội dung cơ bản của Báo cáo chính trị của Đảng là nhiệm vụ cho 5 năm, nội dung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian 10 năm thì Cương lĩnh nhằm định hướng sự phát triển của đất nước trong thời gian dài.

d) Cương lĩnh là cơ sở của công tác xây dựng và phát triển đảng

Mọi đảng viên trước khi kết nạp đảng đều phải hiểu biết về cương lĩnh chính trị của đảng, trên cơ sở đó, tự nguyện gia nhập đảng và thực hiện theo quy định của cương lĩnh, điều lệ của đảng.

II- CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ

1. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và được Hội nghị

thành lập Đảng (tháng 2/1930) thông qua đã xác định rõ ràng nhiều vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh nêu rõ:

- Cách mạng Việt Nam là "tư sản dân quyền cách mạng" và "thổ địa cách mạng" để đi tới xã hội cộng sản.

- Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.

- Thâu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng,...) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh. Quốc hữu hóa toàn bộ đồn điền và đất đai của đế quốc và địa chủ chia cho nông dân nghèo.

- "Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh Niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ... Trong khi liên lạc với các giai cấp,

phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp"[1].

Cương lĩnh khẳng định: "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng"[2].

2. Luận cương chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 10/1930)

Tháng 10/1930, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời tổ chức tại Hương Cảng đã thông qua bản *Luận cương chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* (còn được gọi là Luận cương cách mạng tư sản dân quyền) do đồng chí Trần Phú khởi thảo.

Luận cương khẳng định lại nhiều vấn đề căn bản thuộc về chiến lược cách mạng mà Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã nêu: Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản; hai giai đoạn cách mạng từ cách mạng tư sản dân quyền chống đế quốc và phong kiến nhằm thực hiện độc lập dân tộc và

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.2, tr.3-4, 4.

ruộng đất cho nông dân sau đó chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa; hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến có quan hệ mật thiết với nhau; lực lượng chính của cách mạng là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, trong đó giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo; phương pháp cách mạng khi chưa có và khi có tình thế cách mạng; cách mạng Việt Nam liên hệ mật thiết với giai cấp vô sản các nước và các dân tộc thuộc địa.

Tuy nhiên, Luận cương cũng còn hạn chế như: chưa xác định rõ mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp, từ đó không đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu; đánh giá chưa đúng vai trò cách mạng của giai cấp tiểu tư sản và tinh thần yêu nước của tư sản dân tộc, một bộ phận địa chủ nhỏ.

3. Chính cương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 2/1951)

Chính cương Đảng Lao động Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh chỉ đạo soạn thảo và được Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng thông qua.

Chính cương chỉ rõ: "Nhiệm vụ căn bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội"[1]. Động lực của cách mạng Việt Nam lúc này là công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc, những thân sĩ yêu nước và tiến bộ; trong đó nền tảng là công nhân, nông dân, trí thức; lực lượng lãnh đạo là giai cấp công nhân. Chính cương khẳng định: cách mạng Việt Nam hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội. Đây là một cuộc đấu tranh lâu dài, trải qua nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn có một nhiệm vụ trọng tâm, trước mắt là phải tập trung sức hoàn thành giải phóng dân tộc[2].

Chính cương còn nêu những quan điểm cơ bản về xây dựng quân đội, phát triển kinh tế - tài chính,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.12, tr.433-434.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.12, tr.434.

cải cách ruộng đất, phát triển văn hóa giáo dục, chính sách đối với tôn giáo, chính sách dân tộc, chính sách đối với vùng tạm chiếm, chính sách ngoại giao, chính sách đối với Việt kiều... Về ngoại giao, Chính cương khẳng định nguyên tắc "tôn trọng độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ, thống nhất quốc gia của nhau và cùng nhau bảo vệ hòa bình dân chủ thế giới, chống bọn gây chiến"[1]; mở rộng ngoại giao nhân dân, giao thiệp thân thiện với Chính phủ nước nào tôn trọng chủ quyền của Việt Nam, đặt quan hệ ngoại giao với các nước đó theo nguyên tắc tự do, bình đẳng và có lợi cho cả hai bên, đấu tranh cho hòa bình thế giới.

4. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991)

Vào cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa Mác - Lênin, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đứng trước thử thách

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.12, tr.441.

gay gắt; mặc dù công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội VI đã thu được những thành tựu nhất định, nhưng đời sống nhân dân còn khó khăn, khủng hoảng kinh tế - xã hội chưa được khắc phục... Thực tế đó đặt ra yêu cầu là Đảng cần có một Cương lĩnh chính trị để xác định rõ con đường đi lên của đất nước trong công cuộc đổi mới.

Tại Đại hội VII (tháng 6/1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991). Cương lĩnh năm 1991 đã xác định rõ nội dung, tính chất của thời đại, làm nổi bật hai nội dung cơ bản: (1) Quan niệm tổng quát về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng; (2) Những phương hướng cơ bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Cương lĩnh năm 1991 khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Phải xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực

lãnh đạo của Đảng[1]. Cương lĩnh năm 1991 trở thành vũ khí tư tưởng, lý luận, định hướng về tư tưởng và lý luận cho toàn Đảng, toàn dân tiếp tục đi theo con đường xã hội chủ nghĩa trong điều kiện thế giới đầy khó khăn và phức tạp.

Thực hiện Cương lĩnh năm 1991, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã đoàn kết phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, giành được thắng lợi to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước đã có sự thay đổi toàn diện, thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nhiều năm, vượt qua tình trạng nước nghèo, kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng tăng.

5. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)

Sau 20 năm kể từ khi Cương lĩnh năm 1991 ra đời, tình hình quốc tế và trong nước đã có những

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.12, tr.490-491.

biến đổi sâu sắc. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, quá trình toàn cầu hóa tiếp tục diễn ra mạnh mẽ; công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào thế giới và khu vực. Trước tình hình đó, Đảng cần tỏ rõ quan điểm, thái độ của mình về tình hình quốc tế và định hướng con đường đi lên của đất nước trong thời kỳ mới: từ nay đến giữa thế kỷ XXI. Đại hội X yêu cầu, sau Đại hội, Trung ương tổ chức nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Cương lĩnh năm 1991 cho phù hợp với điều kiện mới. Đại hội XI của Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011),* gọi tắt là Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011).

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) thể hiện niềm tin vững chắc của Đảng trên cơ sở khoa học, thực tiễn về mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là cơ sở quan trọng góp phần củng cố sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận xã hội.

Những điểm chung trong các cương lĩnh của Đảng là tư tưởng nhất quán về cách mạng dân tộc

dân chủ nhân dân Việt Nam tất yếu đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội; nhân dân là động lực cách mạng; Đảng Cộng sản lãnh đạo cách mạng; Nhà nước, Chính phủ, quân đội của nhân dân; xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

B- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CƯƠNG LĨNH (BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NĂM 2011)

I- QUÁ TRÌNH CÁCH MẠNG VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Những thắng lợi vĩ đại

Trên cơ sở tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định *những thắng lợi vĩ đại* của cách mạng Việt Nam là:

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do;

- Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954; đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, làm tròn nghĩa vụ quốc tế;

- Thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Với những thắng lợi đã giành được, đất nước ta đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có quan hệ quốc tế rộng mở, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, còn nhiều khó khăn, thách thức.

Trong Cương lĩnh, Đảng thừa nhận: "... có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan"[1]. Đảng đã

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.64.

nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, tự đổi mới, chỉnh đốn để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

2. Những bài học kinh nghiệm lớn

Từ thực tiễn phong phú của cách mạng, Đảng đã rút ra *năm bài học kinh nghiệm lớn:*

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân.

Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,

Thành công, thành công, đại thành công"[1].

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.13, tr.120.

Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên.

II- QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

1. Bối cảnh quốc tế

Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc.

- Tình hình thế giới và khu vực:

+ Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa diễn ra

mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến sự phát triển của nhiều nước.

+ Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển.

+ Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên và cạnh tranh quyết liệt về lợi ích kinh tế tiếp tục diễn ra phức tạp.

+ Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định.

- Tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và cánh tả:

+ Trong thời gian tồn tại, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt, từng là chỗ dựa cho phong trào hòa bình và cách mạng thế giới, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

+ Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước phục hồi.

+ Tuy nhiên, các nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và cánh tả còn gặp nhiều khó khăn, các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, tìm cách xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

- *Về chủ nghĩa tư bản*: Chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh

của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản.

- *Về các nước đang phát triển, kém phát triển:* Các nước đang phát triển, kém phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp chống nghèo nàn, lạc hậu, chống mọi sự can thiệp, áp đặt và xâm lược để bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, dân tộc.

- *Những vấn đề toàn cầu cấp bách:* Nhân dân thế giới đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người, đó là giữ gìn hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo... Việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các quốc gia, dân tộc.

- *Về đặc điểm nổi bật:*

Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc.

Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. *Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*[1].

2. Đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khái quát đặc trưng cơ bản của mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta phấn đấu xây dựng[2] là:

(1) Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là đặc trưng tổng quát, là mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

(2) Do nhân dân làm chủ. Đây là đặc trưng riêng có của chủ nghĩa xã hội. Trong chế độ phong kiến, người làm chủ là vua; trong chế độ tư bản, người làm chủ là các nhà tư bản; chỉ có trong chủ nghĩa xã hội, nhân dân mới là người làm chủ.

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.69, 70.

(3) Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp. Khi nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại thì chế độ sở hữu lúc đó phải là chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu (theo quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhưng công hữu phải được hiểu theo quan niệm mới (sở hữu xã hội), không chỉ có sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể như cách hiểu trước đây).

(4) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

(5) Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

(6) Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

(7) Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Nhà nước pháp quyền là nhà nước đề cao vai trò của pháp luật; mọi tổ chức trong xã hội, mọi công dân đều phải tuân thủ,

thực hiện theo pháp luật. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, nhưng không đối lập giữa ba quyền ấy; mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân.

(8) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Cương lĩnh chỉ rõ: Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen. Tuy nhiên, chúng ta có nhiều thuận lợi cơ bản:

- Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt; nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, có truyền thống đoàn kết và nhân ái, cần cù lao động và sáng tạo, luôn ủng hộ và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng;

- Chúng ta đã từng bước xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng; cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự hình thành và phát triển kinh tế tri thức cùng với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là một thời cơ để phát triển.

3. Mục tiêu và phương hướng

a) Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Phương hướng

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ: Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, toàn Đảng, toàn dân ta cần nêu cao tinh thần

cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, quán triệt và thực hiện tốt *các phương hướng cơ bản*[1] sau đây:

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.72.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản đó, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt (không phiến diện, cực đoan, duy ý chí...) các mối quan hệ lớn: Giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ...

Đại hội XII của Đảng (năm 2016) khẳng định và bổ sung nội dung của các mối quan hệ lớn: "Tiếp tục quán triệt và xử lý tốt các quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng

xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;..."[1].

Văn kiện Đại hội XII của Đảng bổ sung mối quan hệ "giữa Nhà nước và thị trường", điều chỉnh mối quan hệ "giữa kinh tế và định hướng xã hội chủ nghĩa" bằng mối quan hệ "giữa tuân theo các quy luật của thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa".

Đại hội XIII (năm 2021) của Đảng xác định: "Tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.80.

xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Trong nhận thức và giải quyết các mối quan hệ lớn, phản ánh các quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề lý luận cốt lõi trong đường lối đổi mới của Đảng, cần chú trọng hơn đến: bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữ vững độc lập, tự chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.119-120.

Như vậy, Đại hội XIII của Đảng bổ sung mối quan hệ "giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm công bằng xã hội". Nâng cao yêu cầu giải quyết tốt hai mối quan hệ đã xác định trước đó trong Văn kiện Đại hội XII, cụ thể: từ mối quan hệ "giữa nhà nước và thị trường", thành mối quan hệ "giữa nhà nước, thị trường và xã hội"; từ mối quan hệ "giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội" thành mối quan hệ "giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường".

III- NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI

1. Định hướng phát triển kinh tế

a) Định hướng phát triển quan hệ sản xuất

- Định hướng chung:

+ Phát triển *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* với nhiều hình thức sở hữu, nhiều

thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.

+ Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển.

- Định hướng cụ thể:

+ Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

+ Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

+ Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển.

b) Định hướng phát triển lực lượng sản xuất

- Định hướng chung:

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; *thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- Định hướng cụ thể:

+ Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững.

+ Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo và các ngành công nghiệp có lợi thế.

+ Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới.

+ Bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn.

+ Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Định hướng phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội

a) Định hướng phát triển văn hóa

- Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ (Đại hội XII bổ sung "khoa học". Đại hội XIII xác định "xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới"[1]); làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

- Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.143.

chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

b) Định hướng xây dựng con người

- Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân.

- Chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hóa, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính.

- Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách.

c) Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo

- Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam.

- Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời.

d) Định hướng phát triển khoa học và công nghệ

- Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.

- Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ gắn với phát triển văn hóa và nâng cao dân trí.

- Nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới.

- Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ.

đ) Định hướng công tác bảo vệ môi trường

- Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân.

- Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch và tiêu dùng sạch.

- Coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên.

- Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia.

e) Định hướng chính sách xã hội

- Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển

kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách.

- Phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội.

- Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội.

- Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

g) Định hướng xây dựng các giai tầng trong xã hội

- Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi.

- Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Đào tạo, bồi dưỡng, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước.

- Xây dựng đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm, những nhà quản lý giỏi, có trách nhiệm với xã hội, tâm huyết với đất nước và dân tộc.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Thực hiện bình đẳng giới; quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư. Hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước.

h) Định hướng chính sách dân tộc, tôn giáo

- Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

3. Định hướng phát triển quốc phòng, an ninh

a) Mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh

- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

- Chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực

thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

b) Đường lối xây dựng nền quốc phòng, an ninh

- Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân.

- Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu. Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong điều kiện mới.

- Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh.

- Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

4. Định hướng công tác đối ngoại

- Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa

phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

- Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

- Ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại.

- Mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

- Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

- Phấn đấu cùng các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) xây dựng Đông Nam Á

thành khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh.

IV- HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

- Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội:

+ Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

+ Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị.

+ Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

+ Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

- Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

- Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Giữ vững

truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường dân chủ và kỷ luật trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

2. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân:

+ Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

+ Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

+ Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

+ Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

- Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

3. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cụ thể là:

- Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên;

- Thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh;

- Tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước;

- Giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước.

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân.

- Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận.

- Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

b) Các đoàn thể nhân dân

- Các đoàn thể nhân dân tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã được xác định, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ về mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

- Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

- Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Nêu tính chất của Cương lĩnh và phân tích, minh họa làm rõ tính chất Cương lĩnh của Đảng ta qua các thời kỳ?

2. Nêu những nội dung cơ bản của các cương lĩnh của Đảng ta qua các thời kỳ?
3. Phân tích và nêu rõ bối cảnh quốc tế của sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta?
4. Phân tích những đặc trưng cơ bản của mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng?
5. Phân tích những phương hướng cơ bản đi lên chủ nghĩa xã hội và những mối quan hệ cần nắm vững, xử lý tốt để đạt được các mục tiêu đề ra?
6. Trình bày định hướng về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng?

Bài 3

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I- GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Điều lệ Đảng là gì?

Điều lệ Đảng là văn bản pháp lý quan trọng của Đảng, xác định tôn chỉ, mục đích, hệ tư tưởng, các nguyên tắc về tổ chức, hoạt động, cơ cấu bộ máy của Đảng; quy định trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của đảng viên và của tổ chức đảng các cấp.

Mục đích của việc xây dựng Điều lệ Đảng là nhằm thống nhất tư tưởng, tổ chức và hành động trong toàn Đảng, thực hiện mục tiêu của Đảng.

Điều lệ Đảng do Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng thông qua và ban hành. Mọi tổ chức đảng và đảng viên đều phải chấp hành Điều lệ Đảng.

2. Đặc điểm của Điều lệ Đảng

Là văn bản pháp lý quan trọng của Đảng, Điều lệ Đảng được viết ngắn gọn, chặt chẽ, dễ hiểu, hiểu cùng một nghĩa và được chia thành các phần, chương, điều, điểm để thi hành thống nhất.

Một số vấn đề cụ thể không đưa vào Điều lệ Đảng sẽ được cơ quan có thẩm quyền của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định; các cơ quan chức năng, như Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương... hướng dẫn thi hành, bảo đảm cho Điều lệ Đảng được thi hành thống nhất, nghiêm minh. Đầu nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Quy định, Hướng dẫn thi thành Điều lệ Đảng.

Điều lệ Đảng có giá trị và hiệu lực thi hành trong toàn Đảng. Một số nội dung của Điều lệ Đảng được thể hiện trong Hiến pháp, các bộ luật của Nhà nước và văn kiện cơ bản của các tổ chức chính trị - xã hội. Điều lệ Đảng có những chương riêng để nêu rõ các quy định về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang.

Điều lệ Đảng có tính kế thừa, ổn định tương đối và được phát triển cùng với quá trình phát triển của cách mạng, của Đảng. Mỗi nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, cùng với việc quyết định quan điểm, đường lối chính trị cho thời kỳ mới, Điều lệ Đảng được Đại hội xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới của cách mạng. Từ Đại hội XI, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Quy định thi hành Điều lệ Đảng được sửa đổi, bổ sung bởi Đại hội.

Từ Điều lệ đầu tiên (Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam) được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng ngày 3/2/1930 đến nay, Điều lệ Đảng đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần. Điều lệ Đảng hiện hành là Điều lệ được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng thông qua ngày 19/1/2011, gồm phần mở đầu, 12 chương, 48 điều đến nay còn nguyên giá trị. Do vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII và lần thứ XIII của Đảng quyết định không sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng hiện hành. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các hướng dẫn, quy định việc thực thi Điều lệ Đảng có những điểm chưa thực sự phù hợp, do đó, Đại hội của Đảng đã thống nhất giao Ban Chấp hành

Trung ương Đảng chỉ đạo nghiên cứu, tiếp thu điều chỉnh thông qua các quy định, hướng dẫn của Trung ương; tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh, thống nhất Điều lệ trong toàn Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 về thi hành Điều lệ Đảng. Đây là văn bản quan trọng nhất để cụ thể hóa Điều lệ Đảng, là cơ sở quan trọng để bảo đảm thực hiện nghiêm túc Điều lệ Đảng; đồng thời, là căn cứ để Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cơ quan tham mưu, giúp việc ở Trung ương ban hành các quyết định, quy định, hướng dẫn... thực hiện Quy định thi hành Điều lệ Đảng, giải quyết những vướng mắc mà thực tiễn công tác tổ chức xây dựng Đảng đặt ra.

II- KẾT CẤU CỦA ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Phần mở đầu

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam do Đại hội XI thông qua, được Đại hội XII và Đại hội XIII tiếp tục khẳng định có tiêu đề phần mở đầu là "Đảng và

những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng", trình bày khái quát về Đảng và những vấn đề cơ bản nhất về xây dựng Đảng. Nội dung cụ thể như sau:

- *Khái quát quá trình lịch sử Đảng,* Điều lệ viết: "Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xóa bỏ chế độ thực dân, phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc"[1].

- *Về bản chất của Đảng,* Điều lệ ghi: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc".

---

1. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.3. Sau đây những trích dẫn từ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đều trích từ cuốn sách này *(B.T).*

- *Về mục đích của Đảng*, Điều lệ nêu rõ: "Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản".

- *Về nền tảng tư tưởng của Đảng*, Điều lệ khẳng định: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân".

- *Về tổ chức và nguyên tắc cơ bản trong hoạt động của Đảng*, Điều lệ quy định: "Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đồng thời thực hiện các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và

Điều lệ Đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật".

- *Về vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị*, Điều lệ xác định: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội".

- *Về quan điểm quốc tế của Đảng*, Điều lệ ghi rõ: "Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới".

- *Về công tác xây dựng Đảng*, Điều lệ xác định: "Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức,

thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng".

Những nội dung trên thể hiện một cách đúng đắn và sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tiêu chí một đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, phù hợp với tình hình và nhiệm vụ của Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta như Cương lĩnh chính trị của Đảng đã vạch ra.

2. Các chương của Điều lệ Đảng

Chương I: Đảng viên.

Chương này có tám điều, là chương rất quan trọng của Điều lệ Đảng, xác định vị trí, vai trò, quy định tiêu chuẩn của người đảng viên; điều kiện được xem xét để kết nạp Đảng; nhiệm vụ và quyền của đảng viên; thủ tục kết nạp người vào Đảng; phát triển và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên, điều kiện được giảm, miễn công tác và sinh hoạt Đảng cũng như xóa tên trong danh sách đảng viên...

Chương II: Nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng.

Chương này có sáu điều, khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ; những nội dung cơ bản của nguyên tắc đó; hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước.

Chương III và Chương IV: Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp Trung ương và ở các cấp địa phương.

Hai chương này có sáu điều, bao gồm những quy định về đại hội đảng các cấp, về bầu cử cơ quan lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp và nhiệm vụ của các cơ quan đó.

Chương V: Tổ chức cơ sở đảng.

Chương này có bốn điều, quy định ba nội dung lớn về tổ chức cơ sở đảng:

- Xác định vị trí của tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

- Quy định điều kiện thành lập và những nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng và của chi bộ; việc bầu đảng ủy viên và chi ủy viên.

- Quy định về nhiệm kỳ đại hội của tổ chức cơ sở đảng và chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở.

Chương VI: Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

Chương này có năm điều, quy định về tổ chức đảng trong Quân đội và Công an, nằm trong hệ thống tổ chức chung của Đảng. Điều lệ Đảng xác định sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang.

Chương VII: Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và Ủy ban kiểm tra các cấp.

Chương này có bốn điều, xác định vị trí công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng; nội dung công tác kiểm tra, giám sát; nhiệm vụ của công tác kiểm tra, giám sát cấp ủy các cấp.

Chương VIII: Khen thưởng và kỷ luật.

Chương này có bảy điều, quy định mục đích, hình thức và thẩm quyền thi hành khen thưởng và kỷ luật.

Chương IX: Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội.

Chương này có ba điều, quy định rõ nhiệm vụ, nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Chương X: Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Chương này có hai điều, nêu rõ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Đoàn Thanh niên cũng là một đoàn thể nhân dân, nhưng Đoàn Thanh niên là đội dự bị tin cậy của Đảng, thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, nên Điều lệ dành một chương riêng nói về sự lãnh đạo của Đảng với Đoàn Thanh niên.

Chương XI: Tài chính của Đảng.

Chương này chỉ có một điều, quy định rõ tài chính của Đảng gồm: đảng phí do đảng viên đóng, từ ngân sách nhà nước và các khoản thu khác; thực hiện nguyên tắc, chế độ thu chi, quản lý tài chính... theo những quy định thống nhất của Ban Chấp hành Trung ương.

Chương XII: Chấp hành Điều lệ Đảng.

Chương này có hai điều, quy định mỗi đảng viên và tổ chức của Đảng phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng và kịp thời đấu tranh chống mọi biểu hiện vi phạm. Chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Đảng.

III- MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng

Bản chất giai cấp của Đảng là vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng, được quán triệt trong toàn bộ Điều lệ Đảng, chi phối toàn bộ nội dung xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

- Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn khẳng định bản chất giai cấp công nhân của mình.

Chương trình tóm tắt của Đảng được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã khẳng định: "Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng"[1]. *Sách lược vắn tắt của Đảng* viết: "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng"[2].

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.2, tr.6, 4.

- Xác định rõ bản chất giai cấp công nhân của Đảng xuất phát từ nhận thức khoa học về vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân hình thành, phát triển cùng với nền sản xuất đại công nghiệp, đại biểu cho phương thức sản xuất mới tiến bộ, có tinh thần cách mạng triệt để và tính tổ chức cao. Giai cấp công nhân có hệ tư tưởng khoa học và cách mạng hướng dẫn, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin. Là giai cấp lao động, bị bóc lột nên giai cấp công nhân có điều kiện liên minh với giai cấp nông dân và quần chúng lao động để xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, không có áp bức, bóc lột.

Ngày nay, trong nền sản xuất hiện đại, dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, giai cấp công nhân thế giới đang có những biến đổi to lớn về quy mô, trình độ kiến thức, cơ cấu nghề nghiệp, mức sống... song, bản chất cách mạng và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân vẫn không thay đổi.

Ở nước ta, tuy số lượng còn ít, nhưng giai cấp công nhân Việt Nam và chính đảng của mình luôn

đứng vững trên lập trường cách mạng, giữ vững bản chất giai cấp, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi ra đời đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thể hiện quan hệ gắn bó giữa giai cấp và dân tộc. Sự ra đời của Đảng xuất phát từ ba nguồn gốc là phong trào yêu nước, chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân. Chính vì vậy, mục tiêu, lợi ích của Đảng, của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc là thống nhất. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ đều bắt nguồn từ việc Đảng giải quyết đúng đắn mối quan hệ mật thiết giữa giai cấp và dân tộc.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, được toàn dân thừa nhận là đội tiên phong lãnh đạo nhân dân. Về vấn đề lợi ích, Đảng không có lợi ích nào khác ngoài mục đích phục vụ nhân dân, phục vụ dân tộc.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: "*Đảng Cộng sản Việt Nam* là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên

phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc"[1].

Cách diễn đạt này phản ánh đầy đủ, sát thực bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam - một đảng ra đời từ phong trào công nhân, phong trào yêu nước của dân tộc, kiên trì đấu tranh bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của dân tộc. Đó cũng là cách diễn đạt về Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra tại Đại hội II của Đảng năm 1951: "Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam"[2].

- Để giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng trong tình hình mới, Điều lệ Đảng và các văn kiện Đại hội của Đảng đã chỉ rõ mục tiêu, nhiệm vụ của mỗi đảng viên của Đảng là:

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.88.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.12, tr.38.

+ Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong bất kỳ tình huống nào cũng không dao động, xa rời mục tiêu đó.

+ Kiên định và vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Xuất phát từ thực tiễn cụ thể của đất nước để đề ra đường lối, chủ trương và các chính sách đúng đắn; đồng thời, bằng hành động cách mạng biến đường lối, chủ trương đó thành hiện thực sinh động trên mọi mặt của đời sống xã hội.

+ Đấu tranh kiên quyết, kịp thời chống lại mọi biểu hiện cơ hội, hữu khuynh, giáo điều, bảo thủ; phê phán những luận điệu và thủ đoạn của các thế lực thù địch đả kích, phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Luôn luôn phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa, tri thức của thời đại để làm giàu kiến thức, giải quyết thành công những vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng nước ta, góp phần vào sự nghiệp phát triển chung của thế giới.

+ Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt Đảng, nguyên tắc tập thể

lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

+ Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp công nhân; xây dựng đội ngũ cán bộ và đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân.

+ Củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, chăm lo đời sống và thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

+ Kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp của cách mạng.

2. Nhiệm vụ và quyền của đảng viên

a) Nhiệm vụ của đảng viên

Nhiệm vụ của đảng viên được quy định trong Điều 2 Điều lệ Đảng, gồm bốn điểm là:

"1. Tuyệt đối trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết,

chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Đảng.

2. Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác. Chấp hành quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm.

3. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng; làm

công tác phát triển đảng viên; sinh hoạt đảng và đóng đảng phí đúng quy định".

Thực hiện các nhiệm vụ trên, mỗi đảng viên cần nắm vững nội dung cơ bản sau:

Một là, kiên định những vấn đề về quan điểm có tính nguyên tắc của Đảng:

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng ta, dân tộc ta.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; không chấp nhận "đa nguyên, đa đảng".

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng.

- Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Hai là, mọi đảng viên phải hiểu rõ cơ hội lớn đưa đất nước phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại để vận dụng vào nhiệm vụ của mình. Đồng thời, phải nhận thức sâu sắc những thách thức lớn, các nguy cơ đang đe dọa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta để tự giác góp phần đẩy lùi, từng bước khắc phục.

Mỗi đảng viên phải ra sức rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, nêu gương cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đồng thời, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu trong cơ quan của Đảng, Nhà nước và các tiêu cực, tệ nạn trong xã hội; cảnh giác và kiên quyết chống mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, trước hết là trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ cụ thể của mỗi người.

Ba là, đất nước ta đã chuyển sang thời kỳ phát triển mới với các nhiệm vụ trực tiếp là phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người làm nền tảng

tinh thần của xã hội, tăng cường quốc phòng - an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Điều đó đòi hỏi đảng viên phải nâng cao trình độ kiến thức và năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, thực hiện vai trò tiên phong, gương mẫu.

Học tập là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi đảng viên. Có nhiều hình thức và phương pháp học tập để nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn. Tùy theo điều kiện và hoàn cảnh cụ thể mà tổ chức đảng và mỗi đảng viên phải có kế hoạch, chế độ học tập phù hợp.

Bốn là, có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Nhân dân lao động cần có Đảng với tư cách là người lãnh đạo, lãnh tụ chính trị bảo đảm cho cuộc đấu tranh của nhân dân giành thắng lợi. Và ngược lại, Đảng cần được nhân dân ủng hộ, tích cực thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, đảng viên dễ rơi vào quan liêu, xa rời nhân dân. Đây là một nguy cơ lớn đối với sự tồn vong của chế độ xã hội

chủ nghĩa. Mọi đảng viên phải thường xuyên gắn bó mật thiết với quần chúng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân phản ánh với Đảng, đồng thời tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân và gia đình mình thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Năm là, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, chống lại sự phá hoại của kẻ thù. Thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng, bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ, làm cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh. Tích cực làm công tác phát triển đảng viên mới.

b) Quyền của đảng viên

Theo Điều 3 Điều lệ Đảng và Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng, đảng viên có những quyền sau:

1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối,

chủ trương, chính sách của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng.

Định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất, theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương và cấp ủy cấp trên, các cấp ủy đảng thông tin cho đảng viên về tình hình và nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị; các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thời sự trong nước, quốc tế... phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm của tổ chức đảng và đảng viên, góp phần nâng cao nhận thức, tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Quy định số 24-QĐ/TW về hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng có sửa đổi, bổ sung một số nội dung về việc đề cử và bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên:

- Bổ sung nội dung: Chỉ được đề cử đại biểu chính thức của đại hội để bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

- Trường hợp đại biểu chính thức (do bầu cử) xin không tham dự đại hội mà được cấp ủy triệu tập đại hội đồng ý thì được cử đại biểu dự khuyết thay thế.

3. Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

Đảng viên được phê bình, chất vấn, báo cáo, kiến nghị trực tiếp hoặc bằng văn bản trong phạm vi tổ chức của Đảng về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp; về những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức đảng hoặc chức trách, nhiệm vụ, phẩm chất đạo đức của đảng viên đó; chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng về ý kiến của mình. Khi nhận được ý kiến phê bình, chất vấn, báo cáo, kiến nghị, tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm phải trả lời theo thẩm quyền, chậm nhất là 30 ngày làm việc đối với tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; 60 ngày làm việc đối với cấp huyện, tỉnh và tương đương; 90 ngày làm việc đối với cấp Trung ương. Những trường hợp phức tạp cần phải kéo dài hơn thời gian quy định

trên thì phải thông báo cho tổ chức đảng và đảng viên biết lý do.

4. Trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên được thông báo ý kiến nhận xét của cấp ủy nơi làm việc và nơi cư trú khi xem xét bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; được trình bày ý kiến với tổ chức đảng, cấp ủy đảng khi xem xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Các quyền của đảng viên nêu trong Điều lệ Đảng nhằm bảo đảm cho đảng viên thực hiện đầy đủ quyền dân chủ về mặt chính trị trong tổ chức và sinh hoạt Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra *quyền tự do phục tùng chân lý*"[1]. Những quy định về quyền của đảng viên tạo điều kiện cho đảng viên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.378.

và tổ chức đảng thực hiện đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ.

3. Nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng

- Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và sinh hoạt của Đảng. Trong quá trình phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn kiên trì và từng bước cụ thể hóa nguyên tắc này phù hợp với sự phát triển của cách mạng Việt Nam qua mỗi giai đoạn.

Điều 9 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: "Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ". Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là:

+ Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

+ Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).

+ Cấp ủy các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

+ Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

+ Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp ủy có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

+ Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 về thi hành Điều lệ Đảng, Quy định về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ có bổ sung nội dung Quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng là: *Căn cứ vào Điều lệ Đảng, quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp ủy và quy chế làm việc của cấp ủy cấp trên, các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy phải xây dựng quy chế làm việc bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn được giao. Tổ chức đảng có trách nhiệm báo cáo với tổ chức đảng cấp trên và thông báo cho tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp biết quy chế làm việc của tổ chức mình.*

- Để thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, cần nhận thức đúng đắn và thống nhất nội dung của nguyên tắc này; đồng thời, phải có cơ chế,

các quy định, quy chế làm việc cụ thể, đồng bộ, bảo đảm thực hiện nghiêm minh ở mỗi cấp, ở mỗi tổ chức đảng.

- Phát huy dân chủ sẽ khơi dậy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các tổ chức đảng và đảng viên. Thực hiện tốt dân chủ trong Đảng sẽ tạo điều kiện thúc đẩy dân chủ trong các cơ quan nhà nước cũng như toàn xã hội. Khuyến khích mọi người mạnh dạn suy nghĩ, tìm tòi sáng tạo, đóng góp xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Điều này có ý nghĩa to lớn trong sự phát triển của cách mạng, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

- Dân chủ phải gắn liền với tập trung, phát huy dân chủ đi đôi với việc tăng cường ý thức tổ chức và kỷ luật của Đảng. Đây là mối quan hệ biện chứng cần được nhận thức, xử lý đúng đắn trong thực tiễn. Tuyệt đối hóa mặt này đi đến hạ thấp hoặc phủ nhận mặt kia đều không đúng.

- Ngoài việc khẳng định tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản cho hoạt động của Đảng, Điều lệ Đảng còn quy định: tự phê bình và phê bình; đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng; gắn bó mật thiết với nhân dân;

Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật là những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng.

Quy định số 24-QĐ/TW về thi hành Điều lệ Đảng có bổ sung nội dung thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình hằng năm: "kiểm điểm trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên". Đối với nội dung thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình cuối nhiệm kỳ đại hội, bổ sung nội dung "thực hiện các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên".

4. Hệ thống tổ chức của Đảng

- Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ Đảng. Theo đó, hệ thống tổ chức của Đảng được tổ chức theo đơn vị hành chính lãnh thổ cấp xã, phường, thị trấn; cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp Trung ương. Đây là hệ thống tổ chức cơ bản của Đảng có chức năng lãnh đạo toàn diện ở mỗi cấp và của toàn Đảng.

- Tổ chức cơ sở đảng còn được lập tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam theo quy định tại Chương VI của Điều lệ Đảng.

- Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Như vậy, hệ thống tổ chức của Đảng có 4 cấp:

+ Cấp Trung ương;

+ Cấp trực thuộc Trung ương (các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương);

+ Cấp trên cơ sở (cấp ủy, quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đảng ủy cấp trên cơ sở được lập ở cơ quan đơn vị hành chính, kinh tế, lực lượng vũ trang...). Trong thẩm quyền thường dùng cấp quận, huyện và tương đương;

+ Cấp cơ sở (cấp ủy xã, phường, thị trấn... và các chi bộ trực thuộc).

- Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

- Chỉ định cấp ủy ở những nơi thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập đảng bộ, chi bộ. Theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Điều lệ Đảng, trong nhiệm kỳ của cấp ủy, nếu có sự thay đổi về tổ chức như: thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy chính thức, bí thư, phó bí thư, ban thường vụ; cấp ủy được chỉ định bầu ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra theo Điều 31 Điều lệ Đảng và Quy chế bầu cử trong Đảng; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ đầu tiên của các cấp ủy này không nhất thiết là 5 năm. Cách tính nhiệm kỳ đại hội theo hướng dẫn của Ban Bí thư.

5. Khen thưởng và kỷ luật trong Đảng

a) Khen thưởng trong Đảng

Điều 34 Điều lệ Đảng quy định: "Tổ chức đảng và đảng viên có thành tích được khen thưởng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương". Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 29/12/2006 của Ban Tổ chức Trung ương và Quy định số 24-QĐ/TW

về thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII quy định hình thức khen thưởng định kỳ và không định kỳ cho tổ chức đảng và đảng viên như sau:

- Đối với tổ chức đảng: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ, tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

- Đối với đảng viên: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, Huy hiệu Đảng 30 năm, 40 năm, 45 năm, 50 năm, 55 năm, 60 năm, 65 năm, 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm tuổi đảng, tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

- Các cấp ủy có thẩm quyền xét khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên theo định kỳ hằng năm, gắn với việc tổng kết của đảng bộ, chi bộ; theo nhiệm kỳ đại hội 5 năm/lần đối với đảng bộ cấp huyện và tương đương; khen thưởng không theo định kỳ đối với tổ chức đảng và đảng viên có thành tích xuất sắc.

+ Chi bộ: Biểu dương tổ chức đảng và đảng viên trong chi bộ.

+ Đảng ủy bộ phận: Biểu dương tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

+ Chi bộ cơ sở: Biểu dương, tặng giấy khen cho đảng viên trong chi bộ. Đảng ủy cơ sở: Biểu dương, tặng giấy khen cho tổ chức đảng (những chi bộ đạt trong sạch, vững mạnh tiêu biểu trong năm) và đảng viên đạt thành tích xuất sắc trong đảng bộ.

+ Huyện ủy (và tương đương): xét quyết định công nhận tổ chức cơ sở trong sạch, vững mạnh; tặng giấy khen cho những tổ chức đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh tiêu biểu 3 năm liền và cho đảng viên đạt thành tích xuất sắc trong đảng bộ.

+ Tỉnh ủy (và tương đương): Tặng bằng khen, tặng cờ cho các tổ chức cơ sở đảng; tặng Huy hiệu Đảng 30 năm, 40 năm, 45 năm, 50 năm, 55 năm, 60 năm, 65 năm, 70 năm, 75 năm, 80 năm, 85 năm, 90 năm tuổi đảng, bằng khen cho đảng viên trong đảng bộ.

+ Việc tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu cao quý khác cho tổ chức đảng và

đảng viên thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và pháp luật về thi đua, khen thưởng.

b) Kỷ luật trong Đảng

- Kỷ luật Đảng là những quy định bắt buộc mọi đảng viên và tổ chức đảng phải nghiêm chỉnh chấp hành. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng được thể chế hóa thành Hiến pháp, pháp luật, nghị định, chỉ thị, quy định của Nhà nước, chủ trương, điều lệ của đoàn thể, vì vậy, tổ chức đảng và đảng viên phải hoạt động theo khuôn khổ của Hiến pháp, pháp luật... Do đó, đảng viên và tổ chức đảng vi phạm Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, điều lệ của đoàn thể là vi phạm kỷ luật của Đảng.

- Kỷ luật của Đảng bắt nguồn từ bản chất giai cấp công nhân, từ nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, vừa có tính nghiêm túc, vừa mang tính tự giác. Nghiêm túc phải trên cơ sở tự giác, tự giác càng cao thì kỷ luật càng nghiêm túc.

- Thi hành nghiêm kỷ luật Đảng là một nội dung quan trọng nhằm giữ vững sự đoàn kết,

thống nhất ý chí và hành động, bảo đảm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, tăng cường sức chiến đấu của Đảng. Giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng là một yếu tố rất quan trọng bảo đảm cho Đảng tồn tại, hoạt động và phát triển.

- Phương châm thi hành kỷ luật đã được Điều lệ Đảng xác định là "công minh, chính xác, kịp thời".

+ Công minh là bất cứ đảng viên và tổ chức nào, không kể chức vụ cao hay thấp, tuổi đảng nhiều hay ít, tổ chức cấp trên hay cấp dưới, nếu vi phạm đến mức thi hành kỷ luật đều phải xem xét, kết luận, xử lý nghiêm túc, không có ngoại lệ, không có khu vực cấm.

+ Chính xác là việc thi hành kỷ luật phải đúng người hoặc tổ chức vi phạm, đúng nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân của vi phạm. Khi xem xét, xử lý kỷ luật phải thẩm tra, xác minh chu đáo, phân biệt rõ bản chất và hiện tượng, vi phạm thuộc về phẩm chất chính trị, nguyên tắc hay tác phong sinh hoạt; trách nhiệm chủ yếu thuộc về cá nhân đảng viên hay tập thể.

+ Kịp thời là việc thi hành kỷ luật phải khẩn trương, đúng lúc, không để kéo dài, làm giảm hoặc mất tác dụng của việc thi hành kỷ luật.

- Các hình thức kỷ luật của Đảng:

+ Đối với tổ chức đảng, có ba hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

+ Đối với đảng viên chính thức, có bốn hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ra khỏi Đảng.

+ Đối với đảng viên dự bị, có hai hình thức kỷ luật: khiển trách và cảnh cáo.

- Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên và tổ chức đảng vi phạm.

Điều lệ Đảng quy định tại Điều 36:

+ Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt Đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao).

Đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp ủy viên cấp dưới.

Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền quyết định khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp

và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

+ Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt Đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp vi phạm nhiệm vụ do cấp ủy giao.

Ban thường vụ cấp ủy quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt Đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm nhiệm vụ chuyên môn được giao.

+ Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; khiển trách, cảnh cáo Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt Đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

+ Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp.

+ Cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật do cấp dưới quyết định.

+ Đảng viên giữ nhiều chức vụ bị kỷ luật cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức vụ.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng thể hiện ở những điểm chủ yếu nào trong Điều lệ Đảng?

2. Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó được Điều lệ Đảng quy định như thế nào?
3. Hệ thống tổ chức của Đảng được lập như thế nào?
4. Điều lệ Đảng quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của đảng viên như thế nào?

Bài 4

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

I- SỰ CẦN THIẾT PHẢI HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

1. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là chủ trương lớn của Đảng, được tiến hành liên tục và nhất quán

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong Đảng và xã hội ta đã trải qua quá trình lịch sử liên tục và lâu dài.

- Từ ngày thành lập, Đảng đã dựa trên tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định đường lối cách mạng Việt Nam, thể hiện trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên

của Đảng. Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh, với cao trào giải phóng dân tộc 1941 - 1945, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đại hội II của Đảng nêu vấn đề học tập đạo đức, tác phong Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khẩu hiệu "Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại" đã trở thành khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân, đặc biệt sau khi Người đi xa, chứa đựng nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người. Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc tại Lễ truy điệu Người, đã khẳng định quyết tâm: "Suốt đời học tập đạo đức, tác phong của Người, bồi dưỡng phẩm chất cách mạng, không sợ gian khổ, không sợ hy sinh, rèn luyện mình thành những chiến sĩ trung thành với Đảng, với dân, xứng đáng là đồng chí, là học trò của HỒ CHỦ TỊCH"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.30, tr.279.

- Thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước, trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã yêu cầu: "Mỗi người cộng sản chúng ta cần phải suốt đời học tập, noi gương đạo đức, tác phong của Bác Hồ, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, ghi nhớ và làm theo lời dạy của Người, nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, xứng đáng là người lãnh đạo và người đày tớ thật trung thành của nhân dân"[1].

- Tại Đại hội VII (năm 1991), lần đầu tiên Đảng ta khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng. Đại hội IX của Đảng (năm 2001) đã nêu rõ nguồn gốc và 9 nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngày 27/3/2003, Ban Bí thư khóa IX đã ban hành Chỉ thị số 23-CT/TW về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới, tổ chức đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trong

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.47, tr.473.

Đảng và tuyên truyền rộng rãi trong xã hội. Chương trình học tập tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 10 chuyên đề, trong đó có 1 chuyên đề về nguồn gốc, quá trình hình thành và 9 chuyên đề về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Chủ trương tổ chức học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được bắt đầu từ Hội nghị Trung ương 12 khóa IX (năm 2005), bàn về công tác tư tưởng. Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Bộ Chính trị khóa X phát động cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong Đảng và xã hội. Ngày 7/11/2006, Bộ Chính trị khóa X đã ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW về tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Sau bốn năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã khẳng định: "Đưa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở thành nhiệm vụ thường xuyên của cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.57.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, ngày 14/5/2011, Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành Chỉ thị số 03-CT/TW về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Sau 5 năm thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW đã đạt được kết quả bước đầu, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay", có những đóng góp đáng khích lệ vào sự phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống của nhân dân, thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị.

Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: "Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"

trong nội bộ"[1]. Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII, mục đích, yêu cầu của việc tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã được nâng cao hơn, phạm vi rộng hơn so với Chỉ thị số 06-CT/TW và Chỉ thị số 03-CT/TW; trong đó có nhiệm vụ chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Lần đầu tiên trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng khẳng định xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh không chỉ về chính trị, tư tưởng, tổ chức, mà còn nhấn mạnh xây dựng Đảng về đạo đức. Đại hội cũng đã đưa việc học tập "phong cách Hồ Chí Minh" vào trong văn kiện chính thức của Đại hội.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, ngày 15/5/2016, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.202.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định: "Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, thực hiện thường xuyên, sâu rộng, có hiệu quả việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị"[1]. Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, ngày 18/5/2021, Bộ Chính trị khóa XIII ban hành Kết luận số 01-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Từ những phân tích nêu trên, có thể khẳng định: triển khai việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh xuất phát từ ý nghĩa, tầm quan trọng của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nền tảng tư tưởng, cơ sở lý luận của công cuộc đổi mới; từ thực tiễn và kinh nghiệm của quá trình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong nhiều năm qua.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.183.

2. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và vấn đề chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và xã hội; tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

- Qua hơn 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Việc thực hiện dân chủ trong Đảng và trong xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân có nhiều tiến bộ... Đa số cán bộ, đảng viên phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu, năng động, sáng tạo trong công tác, rèn luyện phẩm chất, năng lực, đóng vai trò nòng cốt trong công cuộc đổi mới.

Tuy nhiên, trong Đảng và trong xã hội một số nơi, một số chỗ vẫn còn xuất hiện tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Báo cáo chính trị tại Đại hội XII của Đảng đã nhận định: "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn; một số rất ít cán bộ, đảng viên bị phần tử xấu lợi dụng, lôi kéo, kích động,

xúi giục, mua chuộc đã có tư tưởng, việc làm chống đối Đảng, Nhà nước"[1].

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII tiếp tục chỉ ra: "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước... Trong khi đó, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc"[2].

Đại hội XIII xác định: "Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.185.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII,* Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.22-23.

lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp"[1].

Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII chỉ rõ: "Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức chưa đầy đủ tính chất, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa vào chủ nghĩa cá nhân, nói chưa đi đôi với làm, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật"[2].

Nguyên nhân của tình trạng trên có cả khách quan và chủ quan.

Về khách quan, trước hết do tác động tiêu cực của cơ chế kinh tế thị trường, đặc biệt là khả năng kích thích lối sống thực dụng của cơ chế này; sự tác động của đạo đức, lối sống tư sản, hưởng thụ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.I, tr.108.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.89.

phương Tây vào nước ta. Trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và bùng nổ mạng thông tin toàn cầu, các thế lực thù địch, phản động đã chủ động khuyến khích lối sống ích kỷ, hưởng thụ, thực dụng trong cán bộ, đảng viên, nhất là trong cán bộ lãnh đạo và gia đình, trong giới trẻ.

Về nguyên nhân chủ quan, do chúng ta chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc vai trò nền tảng của đạo đức trong ổn định, phát triển xã hội và tác động của cơ chế kinh tế thị trường đến đạo đức xã hội. Trên thực tế, chúng ta chưa coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống; thiếu sự tổ chức, phối hợp giữa các ngành, các cấp. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, đảng viên và gia đình chưa nêu gương về đạo đức, lối sống. Nguyên nhân sâu xa, chủ yếu của tình trạng suy thoái ở một bộ phận cán bộ, đảng viên trước hết là do bản thân những cán bộ, đảng viên đó thiếu tu dưỡng, rèn luyện; lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, dao động trước những tác động từ bên ngoài; sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, không làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình trước Đảng, trước nhân dân. Công tác giáo dục

chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giảng dạy và học tập nghị quyết của Đảng chưa được coi trọng đúng mức, kém hiệu quả, nội dung và phương pháp giáo dục, truyền đạt chậm đổi mới; chưa tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức về tình trạng suy thoái, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" và những hậu quả gây ra.

- Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống nêu trên đã có tác động lớn đến sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; làm thay đổi, lệch lạc những chuẩn mực, thang bậc giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc và cách mạng, có tác hại đến sự trường tồn của dân tộc và sự phát triển của đất nước. Sự suy thoái về đạo đức của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên làm cho nhân dân bất bình, ảnh hưởng xấu đến uy tín và vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, đến việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Trong Đảng đã xuất hiện những vấn đề cấp bách cần tập trung giải quyết. Nghị quyết Hội nghị

Trung ương 4 khóa XI "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay" nêu lên ba vấn đề cấp bách trong Đảng là: (1) Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. (2) Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp Trung ương đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. (3) Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở một trong những khâu quan trọng nhất. Thực trạng đó tiềm ẩn nhiều nguy cơ, cùng với các nguy cơ khác có thể dẫn đến mất ổn định chính trị - xã hội, đến "sự sống còn của Đảng, của chế độ".

Trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Đảng đưa ra 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"

trong nội bộ. Đảng ta khẳng định cần nhận thức sâu sắc về nguy cơ, nhận diện đúng những biểu hiện và đề ra các giải pháp phù hợp để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật.

Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII của Đảng xác định: "... bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn đang hiện hữu, có mặt còn gay gắt hơn; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" còn diễn biến phức tạp"[1].

Để nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, giải quyết các vấn đề cấp bách nêu trên, việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một giải pháp quan trọng, vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính lâu dài.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, Sđd,* tr.90-91.

II- NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

1. Những nội dung cơ bản và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng,

cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

b) Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

Theo Nghị quyết Đại hội IX, hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người;
- Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại;
- Tư tưởng về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc;
- Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân;
- Tư tưởng về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân;
- Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân;

- Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư;

- Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau;

- Tư tưởng về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

c) Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh

Một là, tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng của Người không chỉ tiếp thu, kế thừa những giá trị, tinh hoa văn hóa của loài người, trong đó chủ yếu là chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn giải đáp nhiều vấn đề của thời đại, của sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong thời đại mới. Trong suốt chặng đường hơn một nửa thế kỷ, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ dẫn dắt cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước, tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho Đảng ta và nhân dân ta trên con đường thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng, dân tộc Việt Nam.

Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh là ở chỗ không chỉ kế thừa những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn trong quá trình nghiên cứu, vận dụng những nguyên lý đó, Hồ Chí Minh đã loại bỏ những gì không phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta, đề xuất những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra và giải quyết một cách linh hoạt, khoa học, hiệu quả. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn, bao gồm một hệ thống những quan điểm lý luận, tư tưởng về chiến lược, sách lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, về đạo đức, phong cách, phương pháp Hồ Chí Minh, về việc hiện thực hóa các tư tưởng ấy trong đời sống xã hội...

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã thấm sâu vào quần chúng nhân dân, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, ngày càng tỏa sáng, chiếm lĩnh trái tim, khối óc của hàng triệu người dân đất Việt.

Hai là, giá trị quốc tế của tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh khát vọng thời đại.

Hồ Chí Minh là nhân vật lịch sử vĩ đại, không chỉ là sản phẩm của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam, mà còn là sản phẩm của thời đại, của nhân loại tiến bộ. Ngay trong những năm 20 của thế kỷ XX, với quá trình hình thành về cơ bản tư tưởng của mình, Hồ Chí Minh đã có những cống hiến xuất sắc về *lý luận cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa* dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin: Giành độc lập dân tộc để tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ nghiên cứu lý luận, áp dụng vào những điều kiện cụ thể, Hồ Chí Minh đã hình thành một hệ thống các luận điểm chính xác và đúng đắn về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Việc xác định

đúng đắn những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam trong tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có cả các vấn đề về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội, về hòa bình, hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc... có giá trị to lớn về mặt lý luận và đang trở thành hiện thực trong giải quyết nhiều vấn đề quốc tế hiện nay.

- Góp phần tìm ra các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người.

Đóng góp lớn nhất của Hồ Chí Minh đối với thời đại là từ việc xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc mình đã chỉ ra một con đường cách mạng, một hướng đi và tiếp theo đó là một phương pháp để thức tỉnh hàng trăm triệu người bị áp bức trong các nước thuộc địa và phụ thuộc. Người đã xác định chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù lớn nhất của các dân tộc bị áp bức và để chiến thắng chủ nghĩa đế quốc, cần phải thực hiện "đại đoàn kết", "đại hòa hợp".

Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thế giới còn thể hiện ở việc ngay từ rất sớm, Người đã nhận thức đúng *sự biến chuyển* của thời đại, đặt cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa vào phạm trù

cách mạng vô sản và hoạt động không mệt mỏi cho phong trào cách mạng thế giới. Người kiên quyết bảo vệ và phát triển quan điểm của V.I. Lênin về khả năng to lớn và vai trò chiến lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa đối với cách mạng vô sản.

Từ kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam, Người đi đến khẳng định bài học chung của các dân tộc: "*... Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, ở một nước thuộc địa nhỏ, với sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và đảng của nó, dựa vào quần chúng nhân dân rộng rãi trước hết là nông dân và đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân yêu nước trong mặt trận thống nhất, với sự đồng tình và ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới, trước hết là của phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, nhân dân nước đó nhất định thắng lợi*"[1].

Những tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh đã, đang và sẽ mãi mãi là chân lý sáng ngời, góp phần vào sự kiến tạo và phát triển của nhân loại.

- Góp phần cổ vũ các dân tộc đấu tranh vì những mục tiêu cao cả.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.31-32.

Tư tưởng Hồ Chí Minh và cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú của Người là tấm gương sáng cổ vũ các dân tộc trên thế giới tham gia cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, hòa bình và tiến bộ xã hội. Năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã công nhận Người là Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam.

2. Những nội dung cốt lõi của đạo đức Hồ Chí Minh

a) Quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí của đạo đức trong đời sống xã hội và của mỗi người

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: đạo đức là gốc của người cách mạng, muốn làm cách mạng phải lấy *đạo đức làm gốc*. Người viết: "Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng*

làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang"[1].

Hồ Chí Minh coi đạo đức là *nguồn nuôi dưỡng và phát triển* con người, như gốc của cây, như ngọn nguồn của sông, suối. Người viết: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân"[2].

Hồ Chí Minh quan niệm, *đạo đức cách mạng là chỗ dựa* giúp cho con người vững vàng trong mọi thử thách. Người viết: "Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước... khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa"[3].

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.11, tr.601, 602-603.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.292.

Đối với Đảng, đội tiên phong của giai cấp công nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu phải xây dựng Đảng ta thật trong sạch, Đảng phải "*là đạo đức, là văn minh*"[1]. Trong *Di chúc*, Người viết: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"[2].

b) Quan điểm của Hồ Chí Minh về những phẩm chất đạo đức cơ bản của người cách mạng

Về những phẩm chất đạo đức của người cách mạng, quan điểm đạo đức Hồ Chí Minh đã bao quát những mối quan hệ cơ bản của con người trong xã hội, bao gồm:

Một là, với đất nước, dân tộc phải "*trung với nước, hiếu với dân*".

Trung, hiếu là phẩm chất đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam và phương Đông, được

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.403.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611-612.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển trong điều kiện mới. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, trung với nước, hiếu với dân là điều chủ chốt của đạo đức cách mạng. Trung với nước là trung thành vô hạn với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, đấu tranh giành độc lập dân tộc và làm cho đất nước "sánh vai với các cường quốc năm châu"[1]. Nước là của dân, dân là chủ đất nước, cho nên "trung với nước" là trung với dân, trung thành với lợi ích của nhân dân, "bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*"[2]; "bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*"[3]...

Hiếu với dân là Đảng, Chính phủ, cán bộ nhà nước phải là "đầy tớ trung thành của dân"; phải "tận trung với nước, tận hiếu với dân".

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trung với nước, hiếu với dân phải gắn bó với dân, gần dân, dựa vào dân, lấy dân làm gốc. Phải nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm, quan tâm cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, làm cho dân hiểu rõ trách nhiệm và quyền lợi của người làm chủ đất nước.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.35.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.232.

Hai là, với mọi người phải "*yêu thương con người, sống có nghĩa, có tình*".

Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, yêu thương con người xuất phát từ truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, kết hợp với chủ nghĩa nhân văn của nhân loại, chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Yêu thương con người thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân trong quan hệ xã hội, là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất.

Yêu thương con người là phải quan tâm đến những người lao động bình thường, chiếm số đông trong xã hội. Yêu thương con người là phải làm mọi việc để vì con người, vì mục tiêu "ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"[1]; dám hy sinh, dám dấn thân để đấu tranh giải phóng con người.

Yêu thương con người là phải tin vào con người. Với mình thì chặt chẽ, nghiêm khắc; với người thì độ lượng, rộng rãi, nâng con người lên, kể cả với người lầm đường, lạc lối, mắc sai lầm, khuyết điểm.

Yêu thương con người là giúp cho mỗi người ngày càng tiến bộ, sống cao đẹp hơn. Yêu thương con người phải thực hiện tự phê bình, phê bình chân thành, giúp nhau sửa chữa khuyết điểm.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.187.

Ba là, với mình phải thực sự *"cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư".*

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là mối quan hệ "với tự mình".

Hồ Chí Minh quan niệm: cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức tính cần có của con người, mang một lẽ tự nhiên, như trời có bốn mùa, đất có bốn phương. Người giải thích cặn kẽ, cụ thể nội dung từng khái niệm.

- *Cần* là lao động cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm. Phải thấy rõ: "Lao động *là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta*"[1].

- *Kiệm* là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm tiền của dân, của nước, của bản thân mình, tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ; "không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi"[2].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.13, tr.69.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.122.

- *Liêm* là luôn tôn trọng, giữ gìn của công và của dân, "không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân"[1]; "không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình..."[2].

- *Chính* là không tà, là thẳng thắn, đúng đắn. Đối với mình không tự cao, tự đại; đối với người không nịnh trên, khinh dưới, không dối trá, lừa lọc, luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết. Đối với việc thì để việc công lên trên, lên trước việc tư, việc nhà. Được giao nhiệm vụ gì quyết làm cho kỳ được, việc thiện dù nhỏ mấy cũng làm; việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh.

- *Chí công vô tư* là đem lòng chí công vô tư đối với người, với việc, "khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, mà phải nghĩ đến đồng bào, đến toàn dân đã... khi hưởng thụ thì mình nên đi sau"[3], "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"[4].

Cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau và với chí công vô tư. Cần, kiệm, liêm, chính

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.13, tr.70.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.292.
3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.11, tr.400, 603.

sẽ dẫn đến chí công vô tư. Ngược lại, đã chí công vô tư, một lòng vì nước, vì dân, vì Đảng thì nhất định sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính.

Bốn là, mở rộng quan hệ yêu thương con người đối với toàn nhân loại, người cách mạng phải có "*tinh thần quốc tế trong sáng*".

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh về tình đoàn kết quốc tế trong sáng là sự mở rộng quan hệ đạo đức giữa người với người và với toàn nhân loại vì Người không chỉ là "người Việt Nam nhất" như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng khẳng định, mà còn là "nhà văn hóa lớn của thế giới", "chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế".

Đoàn kết quốc tế trong sáng theo Hồ Chí Minh trước hết là đoàn kết với nhân dân lao động các nước vì mục tiêu chung: đấu tranh giải phóng con người khỏi ách áp bức, bóc lột. Đó là tình đoàn kết quốc tế giữa những người vô sản toàn thế giới vì một mục tiêu chung, "bốn phương vô sản đều là anh em"; là đoàn kết với các dân tộc vì hòa bình, công lý và tiến bộ xã hội.

Đoàn kết quốc tế gắn liền với chủ nghĩa yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước chân chính sẽ dẫn đến chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

c) Quan điểm của Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng và thực hành đạo đức

Hồ Chí Minh nêu lên những nguyên tắc xây dựng và thực hành nền đạo đức mới trong xã hội, thể hiện ở ba điểm sau:

Một là, nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức.

Đối với mỗi người, lời nói phải đi đôi với việc làm. Nói đi đôi với làm trước hết là sự nêu gương tốt. Sự nêu gương của thế hệ đi trước với thế hệ đi sau, lãnh đạo với nhân viên, đảng viên phải nêu gương trước quần chúng. Người nói: "Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước"[1].

Hai là, xây đi đôi với chống.

Cùng với việc xây dựng đạo đức mới, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, nhất thiết phải chống những biểu hiện đạo đức sai trái, xấu xa, không phù hợp với những chuẩn mực của đạo đức mới.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.16.

Xây đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây.

Xây dựng đạo đức mới trước hết phải tác động vào nhận thức, đẩy mạnh việc giáo dục, từ trong gia đình đến nhà trường, tập thể và toàn xã hội. Những phẩm chất đạo đức chung phải được cụ thể hóa, sát hợp với từng tầng lớp, đối tượng. Trong các bài viết của mình, Hồ Chí Minh đã nêu rất cụ thể các phẩm chất đạo đức cơ bản đối với từng giai cấp, tầng lớp, với mỗi lứa tuổi và nhóm xã hội.

Trong giáo dục đạo đức, vấn đề quan trọng là phải khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh trong mỗi người, để mỗi cá nhân nêu cao nhận thức và tự giác thực hiện. Trong đấu tranh chống lại cái tiêu cực, lạc hậu phải phát hiện sớm, phải chú ý đến việc phòng ngừa và ngăn chặn.

Trong xây và chống, cần phát huy vai trò của dư luận xã hội, tạo ra phong trào quần chúng rộng rãi, biểu dương cái tốt, phê phán cái xấu. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến việc biểu dương gương người tốt, việc tốt. Người đã phát động cuộc thi đua "ba xây, ba chống", viết sách "người tốt, việc tốt" để tuyên truyền, giáo dục về đạo đức, lối sống.

Ba là, phải tu dưỡng đạo đức suốt đời.

Theo Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng phải qua đấu tranh, rèn luyện bền bỉ mới thành. Người viết: "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong"[1]. Người dạy: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân"[2].

Trong rèn luyện đạo đức, Hồ Chí Minh coi *tự rèn luyện* có vai trò rất quan trọng. Người khẳng định, đã là người thì ai cũng có chỗ hay, chỗ dở, chỗ xấu, chỗ tốt, ai cũng có thiện, có ác ở trong mình. Vấn đề là dám nhìn thẳng vào con người mình, không tự lừa dối, huyễn hoặc, thấy rõ cái hay, cái tốt, cái thiện để phát huy và thấy rõ cái dở, cái xấu, cái ác để khắc phục. Tu dưỡng đạo đức phải được thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.11, tr.612.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.672.

trong mọi mối quan hệ của mình, trong đời tư cũng như trong sinh hoạt cộng đồng.

3. Những nội dung chủ yếu của phong cách Hồ Chí Minh

a) Quan niệm chung

Từ Đại hội V (năm 1981) trở về trước, Đảng ta thường dùng khái niệm "tác phong" để nói về "tác phong Hồ Chủ tịch". Hai chữ "tác phong" có hàm nghĩa hơi hẹp, mới chỉ nói lên được một mặt là "phong cách bên ngoài của làm việc, phong cách bên ngoài của công tác". Từ Đại hội VI (năm 1986), hai chữ "tác phong" được thay bằng khái niệm "phong cách". Nói phong cách Hồ Chí Minh là nói đến những đặc trưng giá trị, mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh, gắn liền với nhân cách siêu việt, trí tuệ lỗi lạc, đạo đức trong sáng của Người, của một vĩ nhân, một nhà văn hóa kiệt xuất. Đó là một phong cách vừa dân tộc vừa hiện đại, vừa khoa học vừa cách mạng, vừa cao cả vừa thiết thực.

Phong cách Hồ Chí Minh là sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động, được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, tạo thành

một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ. Có thể kể một số lĩnh vực chính là: phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách lãnh đạo, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử và phong cách sinh hoạt, phong cách nói đi đôi với làm.

b) Một số nội dung chủ yếu trong phong cách Hồ Chí Minh

** Phong cách tư duy*

Một là, phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại. Hồ Chí Minh đã hình thành cho mình phong cách tư duy *khoa học, cách mạng và hiện đại.* Không tiếp thu một cách thụ động, không dừng lại ở sự vật, hiện tượng bề ngoài, Người có thói quen đi sâu phân tích, so sánh, chắt lọc, lựa chọn, tổng hợp, rút ra những phán đoán, đi tới những kết luận mới, đề ra những luận điểm mới, vừa kế thừa, vừa phát triển sáng tạo để tiếp tục vượt lên phía trước. Nhờ đó, Người đã bắt kịp nhịp sống và sự phát triển của thời đại, hình thành được tư duy đúng đắn, khoa học và cách mạng để có thể lựa chọn đúng đường đi cho dân tộc

và dự kiến được những bước phát triển mới của lịch sử.

Hai là, phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo. Đó là phong cách tư duy không giáo điều, rập khuôn, không vay mượn nguyên xi của người khác, hết sức tránh lối cũ, đường mòn, tự mình tìm tòi, suy nghĩ, truy đến tận cùng bản chất của sự vật, hiện tượng để tìm ra chân lý, phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tiễn.

Ba là, phong cách tư duy hài hòa, uyển chuyển, có lý, có tình. Thể hiện rõ nhất của phong cách tư duy này ở Hồ Chí Minh là *luôn biết xuất phát từ cái chung, cái nhân loại, từ những chân lý phổ biến, những "lẽ phải không ai chối cãi được"* để nhận thức và lý giải những vấn đề của thực tiễn. Để đàm phán, thuyết phục đối phương đi tới đồng thuận, Người thường lập luận trên cơ sở nguyên tắc về *tính đồng nhất của nguyên lý*, Người viết: "Quyền độc lập tự do ở nước nào cũng vậy, đều do xương máu của những nghĩa sĩ, và đoàn kết của toàn quốc dân mà xây dựng nên"[1].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.404-405.

* *Phong cách làm việc*

Một là, phong cách làm việc khoa học. Hồ Chí Minh yêu cầu làm việc gì cũng phải điều tra, nghiên cứu, thu thập thông tin, số liệu để nắm chắc thực chất tình hình, "Đảng có hiểu rõ tình hình thì đặt chính sách mới đúng"[1].

Hai là, phong cách làm việc có kế hoạch. Hồ Chí Minh làm việc gì cũng có chương trình, kế hoạch, từ lớn đến nhỏ, từ dài hạn, trung hạn đến ngắn hạn, từ tháng, tuần đến ngày, giờ nào việc nấy. Nhờ làm việc có kế hoạch, dù bận trăm công, nghìn việc của Đảng và Nhà nước, Người lúc nào cũng ung dung, tự tại, vẫn có thời gian để học tập, đọc sách, xem văn nghệ, đi xuống địa phương,... Người dạy, trong việc đặt kế hoạch "phải *thiết thực,* phải làm được. Chớ làm kế hoạch đẹp mắt, to tát, kể hàng triệu nhưng không thực hiện được"[2].

Ba là, phong cách làm việc đúng giờ. Hồ Chí Minh quý thời gian của mình bao nhiêu thì cũng quý thời gian của người khác bấy nhiêu. Người thường không để ai phải đợi mình, chủ động đến trước nếu

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.307, 81.

có thể. Năm 1953, tại Việt Bắc, Người vượt qua mưa gió để đến thăm lớp chỉnh huấn của anh chị em trí thức theo lịch hẹn. Người chủ động đến thăm đoàn cán bộ Hà Nội vào dịp Tết năm 1956 khi đoàn bị gặp mưa, chưa lên Phủ Chủ tịch để chúc Tết được...

Bốn là, phong cách đổi mới, sáng tạo, không chấp nhận lối cũ, đường mòn. Đó là một phong cách không cố chấp, bảo thủ, luôn đổi mới. Người nói: "Tư tưởng *bảo thủ* là như những sợi dây cột chân cột tay người ta... Muốn *tiến bộ* thì phải có tinh thần mạnh dạn, dám nghĩ dám làm"[1]. Cuộc đời Người là một tấm gương về sự đổi mới, sáng tạo cho mỗi chúng ta học tập và noi theo.

** Phong cách lãnh đạo dân chủ, trọng dân, sát dân*

Một là, tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Phong cách dân chủ Hồ Chí Minh được biểu hiện từ việc lớn cho đến việc nhỏ. Từ soạn thảo *Tuyên ngôn độc lập* đến viết một bài báo,... Người đều tham khảo ý kiến của Bộ Chính trị, hay những người xung quanh. Người tuân thủ chặt chẽ

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.13, tr.340.

quy trình ra quyết định. Mọi vấn đề kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật,... Người đều yêu cầu đội ngũ trí thức, chuyên gia trong bộ máy của Đảng và Nhà nước chuẩn bị kỹ, trao đổi rộng, sao cho mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải được cân nhắc, lựa chọn thận trọng, để sau khi ban hành ít phải thay đổi, bổ sung.

Hai là, đi đúng đường lối quần chúng, lắng nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân. Người yêu cầu và luôn thực hiện việc người lãnh đạo phải tôn trọng nguyên tắc dân chủ, từ dân chủ trong Đảng đến dân chủ trong các cơ quan đại biểu của dân, thực hiện đường lối quần chúng. Người thường xuyên xuống cơ sở để lắng nghe ý kiến của cấp dưới và của quần chúng. Theo Người, phải biết động viên, khuyến khích "Khiến cho cán bộ *cả gan nói, cả gan đề ra ý kiến*"[1], tức là phải làm cho *cấp dưới không sợ nói sự thật và cấp trên không sợ nghe sự thật.* Để thực hiện được điều đó thì người lãnh đạo phải có phương pháp lãnh đạo tốt, có phong cách quần chúng, đi sát cơ sở.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.319.

Ba là, phải tổ chức việc kiểm tra, kiểm soát cho tốt. Theo Hồ Chí Minh, sau khi nghị quyết đã được ban hành phải tổ chức tốt để nghị quyết đi vào cuộc sống; điều đó gắn liền với công việc kiểm tra, kiểm soát. Muốn tốt, "phải đi tận nơi, xem tận chỗ"[1]. Sở dĩ sự thật còn bị bưng bít vì sự kiểm tra, kiểm soát của các ngành, các cấp không nghiêm túc, chưa chặt chẽ.

Trong thực tiễn, Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về tác phong kiểm tra sâu sát. Theo tài liệu thống kê của Bảo tàng Hồ Chí Minh, chỉ tính trong vòng 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1955 - 1965), không quản tuổi cao, công việc bề bộn, Người đã thực hiện hơn 700 lượt đi thăm các địa phương, công trường, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị bộ đội,... từ miền núi đến hải đảo để thăm hỏi chiến sĩ và đồng bào, để xem xét tình hình, kiểm tra công việc. Tính ra mỗi năm có hơn 60 lượt Người đi xuống cơ sở, mỗi tháng có khoảng 6 lần gặp gỡ quần chúng. Đó là một kỷ lục khó ai có thể vượt qua, nhất là đối với một lãnh tụ tuổi đã cao.

Ngoài ra, hằng ngày, Người đều đọc báo, đọc thư của nhân dân gửi lên, thấy có những ý kiến hay cần

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.327.

tiếp thu, những việc gấp cần giải quyết, Người đều dùng bút đỏ đóng khung lại, chuyển tới các cơ quan có trách nhiệm, yêu cầu nghiên cứu và giải quyết.

** Phong cách nói đi đôi với làm*

Trước hết, theo Hồ Chí Minh, điều quan trọng nhất của cán bộ, đảng viên là lời nói và hành động phải đi liền với nhau. Nếu cán bộ, đảng viên "nói một đàng làm một nẻo" thì nhân dân sẽ không thực hiện theo, đảng viên phải nêu gương trước quần chúng. Hồ Chí Minh luôn tự mình nêu gương trước, nói là làm, nói đi đôi với làm, làm nhiều hơn nói...

Hai là, phong cách nói đi đôi với làm được thể hiện chủ yếu qua việc nêu gương. Hồ Chí Minh cho rằng: "Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ, một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"[1]. Trong cuộc sống, Người luôn luôn nêu gương, làm trước mọi lúc, mọi nơi. Nói đi đôi với làm là một nội dung đạo đức truyền thống của dân tộc. Kế thừa truyền thống, Hồ Chí Minh đã nêu thành một nội dung của tư cách người cách mạng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr.284.

* *Phong cách diễn đạt*

Một là, cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, thiết thực. Về mục đích của nói và viết, theo Hồ Chí Minh, cốt làm cho lý luận trở nên gần gũi, dễ hiểu với tất cả mọi người. Người cho rằng, cách mạng là sự nghiệp của hàng chục triệu người lao động mù chữ và thất học, vì vậy cần phải để họ hiểu được, dám vùng lên đấu tranh giải phóng... Hồ Chí Minh thường dùng cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, thiết thực.

Hai là, diễn đạt ngắn gọn, cô đọng, hàm súc, trong sáng và sinh động, có lượng thông tin cao. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường viết ngắn, có khi rất ngắn, như trong trường hợp Người chỉ dùng chín chữ: "Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị"[1], mà khái quát được cả ba giai đoạn đầy biến động của đất nước. Nhiều câu đúc lại như châm ngôn: "Nước lấy dân làm gốc"[2], "Không có gì quý hơn độc lập, tự do"[3], "Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người"[4], v.v..

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.3.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.501.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.627.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.11, tr.528.

Vì vậy, những tư tưởng lớn của Người trở nên dễ thuộc, dễ nhớ, nhanh chóng đi vào quần chúng, hướng dẫn họ hành động.

Ba là, diễn đạt sinh động, gần gũi với cách nghĩ của quần chúng. Khi nói, khi viết về việc gì, Hồ Chí Minh đều gắn với những hình ảnh ví von, so sánh cụ thể. Người thường kết hợp với kể chuyện, đan xen những câu thơ, câu ca dao có vần điệu, làm cho bài nói hay bài viết trở nên sinh động, gần gũi với tình cảm, suy nghĩ của quần chúng. Người dùng hình ảnh "con đỉa hai vòi"[1] để nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc; ví "Lý luận cũng như cái tên... Thực hành cũng như cái đích"[2] để bắn; "Có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ"[3]; người đọc nhiều lý luận mà không biết đem thực hành, vận dụng chỉ là "cái hòm đựng sách", v.v..

Bốn là, phong cách diễn đạt luôn luôn biến hóa, nhất quán mà đa dạng. Trên cơ sở thống nhất về mục đích nói và viết, phong cách diễn đạt Hồ Chí Minh thể hiện rất phong phú, phù hợp với nội dung được

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr.XXII.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.275, 274.

trình bày. Đó là sự đanh thép với những số liệu rõ ràng khi tố cáo; sự sôi nổi trong tranh luận; thiết tha trong kêu gọi; ân cần trong giảng giải; mạch lạc trong thuyết phục,... Phong cách diễn đạt của Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên tính khoa học, hiện đại và đặc biệt có hiệu quả rất cao.

* *Phong cách ứng xử*

Một là, khiêm tốn, nhã nhặn, lịch thiệp. Trong các cuộc tiếp xúc, Người thường khiêm tốn, không bao giờ đặt mình cao hơn người khác, mà trái lại, luôn hòa nhã, quan tâm chu đáo đến những người chung quanh.

Hai là, chân tình, nồng hậu, tự nhiên. Khi gặp gỡ mọi người, với những cử chỉ thân mật, lời hỏi thăm chân tình, hay một câu nói đùa, Người đã tạo bầu không khí thân mật, thoải mái, thân thiết như trong một gia đình. Sự ân cần, nồng hậu, xóa bỏ mọi nghi thức đã tạo ra con đường đi thẳng đến trái tim con người bằng tình cảm chân thực, tự nhiên. Đó là nét nổi bật trong phong cách ứng xử của những nhà văn hóa lớn trong mọi thời đại.

Ba là, linh hoạt, chủ động, biến hóa. Ứng xử văn hóa Hồ Chí Minh đạt tới sự kết hợp hài hòa

giữa tình cảm nồng hậu với lý trí sáng suốt, linh hoạt, uyển chuyển, sẵn sàng vì cái lớn mà châm chước cái nhỏ.

Bốn là, vui vẻ, hòa nhã, xóa nhòa mọi cách bức. Trong văn hóa giao tiếp, ứng xử với mọi người, Hồ Chí Minh luôn xuất hiện với thái độ tươi cười một cách tự nhiên, thể hiện qua ánh mắt hoặc sắc thái khuôn mặt. Sự vui vẻ cùng với sự hóm hỉnh, năng khiếu hài hước được thể hiện đa dạng, phong phú đã xóa đi cái cách bức, những nghi thức trịnh trọng không cần thiết, tạo ra không khí chan hòa, gần gũi giữa lãnh tụ với quần chúng, giữa những người bạn... Điều đó lý giải vì sao, mỗi khi Người xuất hiện ở đâu là ở đó rộn lên niềm vui, không khí thoải mái, thân thiện.

* *Phong cách sinh hoạt*

Một là, phong cách sống cần, kiệm, liêm, chính. Trong lời nói và việc làm, Hồ Chí Minh luôn thực hiện cần, kiệm, liêm, chính. Trên hành trình tìm đường cứu nước, Người đã phải lao động để sống và hoạt động cách mạng. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh đã sớm hình thành cho mình một lối sống, một cách sống rất mực *cần cù, giản dị, tiết kiệm.*

Hai là, phong cách sống hài hòa, nhuần nhuyễn giữa văn hóa Đông - Tây. Đó là phong cách sống vừa thấm nhuần văn hóa của Nho giáo, Phật giáo phương Đông, vừa chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa phương Tây.

Ba là, tôn trọng quy luật tự nhiên, gắn bó với thiên nhiên. Trong sinh hoạt đời thường, Hồ Chí Minh theo triết lý "tôn tự nhiên" của Lão Tử. Trong phong cách sống, Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương về thái độ ứng xử với thiên nhiên một cách hài hòa.

III- ĐẨY MẠNH HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

1. Thực hiện trung với nước, hiếu với dân; mỗi cán bộ, đảng viên phải trung thành vô hạn với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, của dân tộc, tham gia tích cực vào việc đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

- Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ,

bảo vệ Đảng, chế độ và sự nghiệp đổi mới, bảo vệ lợi ích của đất nước, dân tộc.

- Luôn luôn quan tâm đến lợi ích của nhân dân, tôn trọng dân, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, giải quyết kịp thời những yêu cầu, kiến nghị của dân, biết tập hợp nhân dân, phát huy sức mạnh của nhân dân, tổ chức, động viên nhân dân phấn đấu thoát khỏi đói nghèo, làm giàu cho mình, cho đất nước.

- Có ý chí vươn lên, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Có ý thức giữ gìn đoàn kết dân tộc, đoàn kết trong Đảng, trong nhân dân; kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng trước mọi mưu đồ chia rẽ dân tộc, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, chia rẽ Đảng với nhân dân của các thế lực thù địch, cơ hội.

- Có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc, có lương tâm nghề nghiệp trong sáng; ham học hỏi, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ cá nhân - gia đình - tập thể - xã hội; quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

"Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh"[1].

2. Thực hiện "Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", nêu cao phẩm giá con người Việt Nam trong thời kỳ mới

- Tích cực lao động, học tập, công tác với tinh thần lao động sáng tạo, với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn của Nhà nước, của tập thể, của chính mình một cách có hiệu quả.

- Quý trọng công sức lao động và tài sản của tập thể, của nhân dân; không xa hoa, lãng phí, không phô trương, hình thức.

- Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, không để cho lợi ích cá nhân chi phối. Chống lối sống chạy theo danh vọng, địa vị, giành giật lợi ích cho mình, lạm dụng quyền hạn, chức vụ để chiếm đoạt của công; cục bộ địa phương, thu vén cho gia đình, cá nhân.

- Thẳng thắn, trung thực, bảo vệ chân lý, bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, bảo vệ người tốt;

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.21.

chân thành, khiêm tốn; không chạy theo chủ nghĩa thành tích, bao che, giấu giếm khuyết điểm...

- Kiên quyết chống bệnh lười biếng, chạy theo lối sống hưởng thụ, vị kỷ, nói không đi đôi với làm, nói nhiều, làm ít, làm dối, làm ẩu. Có thái độ rõ ràng, lên án và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, loại trừ mọi biểu hiện vô liêm, bất chính ra khỏi đời sống xã hội.

3. Nâng cao ý thức dân chủ và kỷ luật, gắn bó với nhân dân, vì nhân dân phục vụ

- Mỗi người phải đặt mình trong tổ chức, trong tập thể, phải tôn trọng nguyên tắc, pháp luật, kỷ cương.

- Tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có trách nhiệm với dân, khắc phục cho được thói vô cảm, lãnh đạm, thờ ơ trước khó khăn, thắc mắc, những đau khổ của nhân dân.

- Coi trọng tự phê bình và phê bình, "phải nghiêm khắc với chính mình". Phê bình có mục đích trong sáng, có lý, có tình. Khắc phục bệnh chuộng hình thức, thích nghe lời khen (thậm chí xu nịnh), tâng bốc nhau, không dám nói thẳng, nói thật... để giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Đồng thời, cần

phê phán những biểu hiện xuất phát từ động cơ cá nhân, vụ lợi mà "đấu đá"; nhân danh phê bình để đả kích, lôi kéo, chia rẽ, làm rối nội bộ.

4. Nâng cao trách nhiệm và tính tiên phong gương mẫu

- Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương phải xác định rõ trách nhiệm gương mẫu, tự giác học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh và làm gương cho cấp dưới, nhân dân noi theo. Mỗi đảng viên cần chủ động xây dựng kế hoạch học tập và làm theo Người với những việc làm cụ thể để có thể thực hiện và mang lại hiệu quả thiết thực, đồng thời để cán bộ, nhân dân có thể theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư khóa XI về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; Quy định

số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, xây dựng những quy định cụ thể hóa các nội dung nêu gương đối với cán bộ, đảng viên, nêu gương học trước, làm trước để nhân dân noi theo.

5. Phát huy chủ nghĩa yêu nước gắn chặt với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế

- Thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa với tinh thần Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

- Tôn trọng độc lập, chủ quyền của các nước khác, mở rộng hợp tác cùng có lợi, cùng nhau phấn đấu vì hòa bình, phát triển, hợp tác, chống chiến tranh, đói nghèo, bất công, cường quyền, áp đặt trong quan hệ quốc tế. Với những vấn đề của quá khứ,

lịch sử, cần xóa bỏ mặc cảm, hận thù, nhìn về tương lai, xây dựng tình hữu nghị giữa các dân tộc.

- Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, nguồn lực bên trong với nguồn lực bên ngoài để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Nâng cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, tự hào, tự tôn dân tộc; đấu tranh chống biểu hiện dân tộc hẹp hòi, tự ti; đồng thời phê phán tư tưởng ngoại lai, vong bản, vọng ngoại, ảo tưởng trước chủ nghĩa tư bản.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Vì sao cần học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay?
2. Trình bày tóm tắt nội dung tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh?
3. Phân tích nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay?

Bài 5

PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Người muốn trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam phải là những quần chúng tiên tiến, tích cực, trải qua quá trình học tập, rèn luyện, phấn đấu, hội đủ các điều kiện cần thiết để được xét kết nạp vào Đảng.

I- ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC XÉT KẾT NẠP VÀO ĐẢNG

Điểm 2, Điều 1 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định:

"Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên; thừa nhận và tự nguyện: thực hiện Cương lĩnh

chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng; qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm, đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng"[1].

Trong quy định này cần chú ý các nội dung sau:

1. Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên

Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam. Chỉ những người có quốc tịch Việt Nam mới là công dân Việt Nam, còn những người không có quốc tịch Việt Nam hoặc đã từ bỏ quốc tịch Việt Nam thì không được thừa nhận là công dân Việt Nam.

Đây là đòi hỏi về pháp lý và tư cách công dân của người xin vào Đảng. Công dân Việt Nam được hưởng quyền và thực hiện các nghĩa vụ công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó quan trọng nhất là tự nguyện gắn bó với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

---

1. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Sđd*, tr.8.

Đảng chỉ xét kết nạp những công dân Việt Nam đủ mười tám tuổi trở lên (tính theo tháng), vì ở độ tuổi đó con người có sự trưởng thành về nhận thức, có năng lực tư duy cần thiết, có ý thức trách nhiệm về mọi hành động của mình, đủ khả năng thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ công dân. Khi đó mới đủ điều kiện để thực hiện quyền và nhiệm vụ của đảng viên.

Điều lệ Đảng không quy định tuổi tối đa của người vào Đảng. Từ mười tám tuổi trở lên, những người đáp ứng được tiêu chuẩn đều có thể được xem xét, kết nạp vào Đảng. Trong công tác phát triển Đảng, tiêu chuẩn quan trọng nhất là sự giác ngộ lý tưởng, phẩm chất chính trị, kiến thức và năng lực của người vào Đảng.

Tuy nhiên, để trẻ hóa đội ngũ của mình, Đảng luôn quan tâm phát triển Đảng trong thanh niên, những người trẻ tuổi, bảo đảm sự kế thừa, phát triển lâu dài và tương lai của Đảng.

Đối với những người tuổi đã cao (trên 60 tuổi), việc kết nạp vào Đảng có sự cân nhắc. Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng chỉ rõ:

"Việc kết nạp vào Đảng những người trên 60 tuổi do cấp ủy trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định".

2. Thừa nhận và tự nguyện: thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng

- Thừa nhận và tự nguyện thực hiện Cương lĩnh chính trị của Đảng

Người muốn vào Đảng trước hết phải có giác ngộ về mục tiêu, lý tưởng của Đảng, thừa nhận và tự nguyện thực hiện mục tiêu, lý tưởng được nêu trong Cương lĩnh chính trị của Đảng. Đây là điều kiện, tiêu chuẩn chính trị hàng đầu để trở thành đảng viên; yêu cầu người mong muốn vào Đảng xác định mục tiêu, phương hướng chính trị và động cơ hành động đúng đắn, phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp cách mạng.

Nội dung điều kiện này yêu cầu người muốn được đứng trong đội ngũ của Đảng phải có quan điểm, lập trường chính trị đúng đắn, giác ngộ mục đích, lý tưởng của Đảng, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ do Đảng giao phó. Điểm 1, Điều 1 trong Điều lệ Đảng quy định: "Đảng viên Đảng

Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân..."[1].

Người vào Đảng không chỉ thừa nhận mà còn phải tự nguyện thực hiện Cương lĩnh chính trị của Đảng. Thừa nhận mà không tự nguyện thực hiện thì chưa phải đã thừa nhận thực sự. Hành động thực tế là thước đo nhận thức, tư tưởng và ý thức phấn đấu của người vào Đảng.

- Thừa nhận và thực hiện Điều lệ Đảng

Điều lệ Đảng là văn bản pháp lý cơ bản của Đảng, bảo đảm Đảng là một khối thống nhất. Vì vậy, người vào Đảng phải thừa nhận và thực hiện Điều lệ Đảng một cách vô điều kiện. Thừa nhận và tự nguyện thực hiện Điều lệ Đảng cũng là thể hiện sự giác ngộ chính trị và ý thức phấn đấu, ý thức tổ chức kỷ luật, tính tiên phong, gương mẫu, ý thức cầu thị, tinh thần đoàn kết, khiêm tốn, gắn bó với tập thể, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ

1. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Sđd,* tr.7.

được giao. Người muốn vào Đảng phải nghiên cứu kỹ Điều lệ Đảng.

- Thừa nhận và tự nguyện phấn đấu theo tiêu chuẩn, nhiệm vụ đảng viên

Việc quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của đảng viên xuất phát từ mục tiêu lý tưởng của Đảng và của mỗi đảng viên. Người vào Đảng phải hiểu rõ và nắm vững tiêu chuẩn, nhiệm vụ đảng viên, từ đó phấn đấu, rèn luyện, tu dưỡng để trở thành đảng viên của Đảng. Đảng không chỉ căn cứ vào những lời nói, mà chủ yếu căn cứ vào việc làm thực tế hằng ngày của người xin vào Đảng, qua đó xem xét thái độ và mục đích xin vào Đảng. Tự giác thực hiện nhiệm vụ, phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, có quan hệ gắn bó với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm... là những điều kiện chủ yếu được quan tâm khi xem xét để kết nạp người vào Đảng.

- Tự nguyện hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng

Một trong những nguyên tắc tổ chức cơ bản của đảng vô sản, phân biệt với các đảng chính trị khác là mỗi đảng viên của Đảng phải sinh hoạt tại một

tổ chức cơ sở đảng nhất định. Điều đó tạo ra sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng. Tổ chức cơ sở đảng là nơi trực tiếp quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên, là nơi mà mỗi đảng viên thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, học tập, rèn luyện và trưởng thành trong thực tế công việc, trực tiếp tham gia vào hoạt động lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, bất kỳ người đảng viên nào, đảm nhiệm chức vụ gì trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, đều phải hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng nhất định. Người muốn vào Đảng phải có mối liên hệ mật thiết với tổ chức cơ sở đảng, chịu sự lãnh đạo, giáo dục, giúp đỡ để rèn luyện, thử thách và trưởng thành; được tổ chức cơ sở đảng xem xét kết nạp vào Đảng theo đúng thẩm quyền và thủ tục quy định.

3. Qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm

Điều lệ Đảng quy định, người muốn vào Đảng phải hoạt động trong phong trào quần chúng, tỏ rõ tính tích cực, tiên tiến so với quần chúng, cả về nhận thức, hành động và được quần chúng tín nhiệm. Phải lao động, học tập, công tác đạt năng suất,

chất lượng, hiệu quả cao, có đạo đức, lối sống trong sạch, có khả năng cảm hóa, giáo dục, tập hợp quần chúng, được quần chúng tin cậy và noi theo. Đảng viên là người lãnh đạo quần chúng, vì vậy, người không được nhân dân tín nhiệm thì không thể là đảng viên.

Trở thành một người ưu tú là kết quả phấn đấu, rèn luyện qua một quá trình nhất định. Chỉ có thông qua rèn luyện, thử thách trong thực tiễn "lửa thử vàng, gian nan thử sức" mới chứng tỏ là người ưu tú, được Đảng lựa chọn. Sự đánh giá trung thực, khách quan của nhân dân giúp Đảng xem xét, kết nạp đúng những người thực sự ưu tú trong quần chúng vào Đảng.

Ngoài những điều kiện được quy định trong Điều lệ Đảng, Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng còn có quy định về trình độ học vấn của người vào Đảng:

"a) Người vào Đảng phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.

b) Học vấn của người vào Đảng đang sinh sống ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số,

vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và những trường hợp cụ thể khác do yêu cầu phát triển đảng mà không bảo đảm được quy định chung thì thực hiện theo hướng dẫn của Ban Bí thư"[1].

II- NỘI DUNG PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH ĐẢNG VIÊN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Xác định động cơ vào Đảng đúng đắn

Để có động cơ vào Đảng đúng đắn, mỗi đoàn

---

1. Ngày 28/9/2021, Ban Bí thư đã ban hành Hướng dẫn số 01-HD/TW "Một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng" đã hướng dẫn:

- Người vào Đảng đang sinh sống ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc ngư dân thường xuyên làm việc ngoài biển, đảo, nếu không bảo đảm theo Quy định thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII thì phải có trình độ học vấn tối thiểu hoàn thành chương trình bậc tiểu học.

- Trình độ học vấn của người vào Đảng là già làng, trưởng bản, người có uy tín, đang sinh sống ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc ngư dân thường xuyên làm việc ngoài biển, đảo tối thiểu phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ và được ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương đồng ý bằng văn bản trước khi cấp ủy có thẩm quyền ra quyết định kết nạp.

viên thanh niên cần xác định vào Đảng với khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; không cam chịu yếu kém, đói nghèo, nỗ lực góp công sức với hoài bão xây dựng đất nước cường thịnh, văn minh, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc; thực hiện bằng được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "Vì sao chúng ta vào Đảng? Phải chăng để thăng quan, phát tài? Không phải!... Chúng ta vào Đảng là để hết lòng hết sức phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, làm trọn nhiệm vụ của người đảng viên"[1].

Phấn đấu vào Đảng là để được đứng trong một tổ chức của những người cùng chung chí hướng đấu tranh xây dựng một xã hội mới tốt đẹp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Vào Đảng là dấn thân theo lý tưởng cách mạng, chấp nhận hy sinh, phấn đấu, quyết tâm đi theo con đường mà Đảng, Bác Hồ và dân tộc ta đã chọn là xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Cái được lớn nhất khi vào Đảng là được phục vụ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.112.

cách mạng, phục vụ nhân dân, được Đảng và nhân dân tin cậy, yêu mến.

- Trong quá trình phấn đấu vào Đảng, để có động cơ vào Đảng đúng đắn, cần hiểu sâu sắc bản chất, mục đích của Đảng, tích cực góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ do Đảng đề ra; thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, đấu tranh khắc phục mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, vụ lợi, xa lạ với bản chất của người chiến sĩ cách mạng.

- Xây dựng động cơ vào Đảng đúng đắn có ý nghĩa rất quan trọng trong điều kiện hòa bình, Đảng cầm quyền và cơ chế kinh tế thị trường. Mỗi người Việt Nam nói chung, người đảng viên nói riêng, luôn phải đối mặt với biết bao khó khăn, thử thách và những cám dỗ của quyền lực, tiền tài... Xuất phát từ động cơ trong sáng, mỗi đảng viên phải xác định, vào Đảng để cống hiến, chứ không phải lợi dụng vào Đảng để làm "bình phong", làm "chỗ dựa" để tiến thân. Vào Đảng là thực hiện vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ của một người đảng viên, để rèn luyện và trưởng thành, để được đóng góp, cống hiến nhiều hơn cho tập thể, cho nhân dân

và rộng hơn là cho quốc gia, dân tộc. Khi nhận thức đúng đắn, ta sẽ có động cơ đúng, có sức mạnh bên trong là động lực hướng dẫn hành động, thôi thúc ta sống, hoạt động có lý tưởng cao đẹp cho Đảng và cho chính mình. Nếu người vào Đảng không có động cơ vào Đảng trong sáng sẽ không thể vượt qua được những thử thách, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" và những thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

2. Rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng

Đối với mỗi con người, bản lĩnh là tố chất cần thiết quyết định sự vững vàng, tính kiên định, sự độc lập, chủ động trong hành động trước mọi hoàn cảnh, nhất là trước những khó khăn, thử thách của cuộc sống.

Bản lĩnh chính trị thể hiện ở nhận thức đúng đắn và kiên định mục tiêu đã lựa chọn; trong bất kỳ tình huống khó khăn nào cũng không dao động, giảm sút niềm tin, ý chí chiến đấu.

Bản lĩnh chính trị của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay thể hiện ở sự kiên định mục tiêu, lý tưởng

độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định đường lối đổi mới của Đảng, kiên định các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ... Ngoài ra, bản lĩnh chính trị của Đảng còn được thể hiện trong hành động của mỗi đảng viên. Đó là sự vững vàng, kiên định, không dao động trước mọi tình huống, sự quyết tâm phấn đấu, vượt mọi khó khăn, gian khổ để hoàn thành tốt nhiệm vụ, vì lợi ích của Đảng và của nhân dân, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" nhằm chống phá chế độ ta của các thế lực thù địch, đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, đấu tranh bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Để có bản lĩnh chính trị vững vàng, người phấn đấu vào Đảng cần đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giữ vững niềm tin. Trước khó khăn, thử thách không nao núng tinh thần, không mất phương hướng chính trị và có thái độ, chính kiến rõ ràng, kiên định.

Bản lĩnh chính trị được hình thành chủ yếu bằng nỗ lực của bản thân trong quá trình học tập,

nắm vững lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng của Đảng. Tích cực học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, làm giàu vốn hiểu biết của mình. Bản lĩnh chính trị được rèn luyện qua hoạt động thực tiễn. Muốn trở thành đảng viên của Đảng cần thường xuyên tự rèn luyện mình qua thực tế sản xuất, công tác, hoạt động chính trị - xã hội. Chỉ có sự hiểu biết sâu rộng, trải nghiệm dày dạn qua trường học đấu tranh thực tiễn, chúng ta mới trở nên vững vàng, kiên định.

Cùng với rèn luyện bản lĩnh chính trị, cần thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng. Có đạo đức cách mạng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang. Đạo đức cách mạng có nội dung hết sức phong phú. Song, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Nói tóm tắt, thì đạo đức cách mạng là: Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất"[1]. Trong Đảng ta, biết bao đồng chí đã vì dân, vì Đảng mà hy sinh oanh liệt, đã nêu gương chói lọi về đạo đức cách mạng. Ngày nay, đại bộ phận đảng viên vẫn giữ vững phẩm chất đạo đức

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.11, tr.603.

cách mạng, được nhân dân quý mến, tin cậy. Đạo đức cách mạng hoàn toàn trái ngược với chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân gây ra nhiều tác hại, có khi nghiêm trọng. Xây dựng đạo đức cách mạng phải đi đôi với chống chủ nghĩa cá nhân.

Đạo đức cách mạng là kết quả của quá trình tu dưỡng, rèn luyện suốt đời, không ngừng nghỉ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong"[1]. Ngày nay, đạo đức cách mạng còn là ý chí, quyết tâm và góp sức đưa đất nước trở thành quốc gia giàu mạnh, văn minh, nhân dân làm chủ xã hội và có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Không thể có đạo đức cách mạng nếu làm gì cũng tính toán thiệt hơn với Đảng, lúc nào cũng đòi hỏi hưởng thụ, muốn lựa chọn công việc theo ý thích và lợi ích cá nhân, sống cơ hội, thực dụng, coi đồng tiền là tất cả; lợi dụng cơ chế, chính sách để tham nhũng, lãng phí, làm giàu phi pháp...

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.612.

Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là phủ định vai trò, lợi ích cá nhân. Mỗi người đều có tính cách riêng, sở thích riêng, đời sống riêng. Lợi ích cá nhân được tôn trọng khi nó không trái với lợi ích chung của cộng đồng. Đường lối của Đảng là kết hợp hài hòa ba loại lợi ích: lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân, trong đó, lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp. Đảng luôn luôn tôn trọng và quan tâm đến lợi ích cá nhân, đồng thời kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, đặt lợi ích cá nhân mình lên trên, lên trước lợi ích tập thể và toàn xã hội.

3. Nâng cao năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

Để trở thành đảng viên, người đang phấn đấu vào Đảng cần hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của mình và nhiệm vụ được tổ chức đảng, đoàn thể giao cho, bảo đảm đạt chất lượng, hiệu quả cao và để xứng đáng với vai trò tiên phong, gương mẫu "đảng viên đi trước, làng nước theo sau" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy. Đó là điều kiện chủ yếu để quần chúng tin cậy giới thiệu và tổ chức đảng xem xét kết nạp vào Đảng. Trong điều kiện

hiện nay, phải coi trọng việc học tập chính trị cùng với chuyên môn, nghiệp vụ. Đảng không thể kết nạp những người lười học tập, hoặc học lấy lệ, chỉ cốt lấy bằng cấp, không thể hiện được tính tiên phong, gương mẫu.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, người phấn đấu vào Đảng cần phải xác định việc nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực chuyên môn là đòi hỏi của thời đại. Mỗi người phấn đấu vào Đảng luôn phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn. Việc thường xuyên học tập và bồi dưỡng để nâng cao trình độ lý luận chính trị là vấn đề hết sức cần thiết, nhằm nâng cao trình độ trí tuệ trong Đảng. Mỗi người phấn đấu vào Đảng phải nắm vững và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh cụ thể; quán triệt quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng.

4. Gắn bó với tập thể, với nhân dân, tích cực tham gia hoạt động đoàn thể, công tác xã hội

- Một trong những truyền thống quý báu của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự gắn bó mật thiết với

nhân dân. Để giữ vững truyền thống đó, người đảng viên cần phải có thái độ gần gũi, cởi mở, nhiệt tình với quần chúng nhân dân; có tinh thần phục vụ, sẵn sàng giúp đỡ khi nhân dân gặp khó khăn và yêu cầu ở mọi lúc, mọi nơi. Phải hòa mình với quần chúng, tin tưởng, am hiểu và lắng nghe ý kiến của nhân dân, có trách nhiệm phục vụ, chỉ dẫn nhân dân. Thường xuyên chăm lo đời sống, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: "việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh"[1].

- Người phấn đấu vào Đảng phải nhiệt tình tham gia sinh hoạt đoàn thể mà bản thân là thành viên, góp phần phát huy vai trò của đoàn thể trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Qua hoạt động đoàn thể, người phấn đấu vào Đảng thể hiện rõ vai trò, khả năng lãnh đạo, tập hợp quần chúng, phát huy tính tiên phong, gương mẫu - những phẩm chất cần thiết để trở thành đảng viên của Đảng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.51.

- Người phấn đấu vào Đảng càng phải chú trọng mở rộng quan hệ xã hội và tích cực tham gia công tác xã hội, gương mẫu và vận động gia đình, người thân tham gia các phong trào, các hoạt động đoàn thể, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phát huy truyền thống, đạo lý tốt đẹp của dân tộc; chống tệ nạn xã hội, quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Muốn trở thành đảng viên, người phấn đấu vào Đảng phải gắn bó với tập thể, với nhân dân, với đồng nghiệp, bạn bè trong đơn vị công tác, với bà con làng xóm, khối phố; tôn trọng, chia sẻ, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau. Hòa mình với quần chúng nhưng không bị động theo những suy nghĩ và việc làm tiêu cực, sai trái, mà luôn luôn đề cao tinh thần trách nhiệm, vận động mọi người đoàn kết, thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ do Đảng đề ra.

5. Tích cực tham gia xây dựng Đảng ở cơ sở

- Để được đứng trong hàng ngũ của Đảng, người phấn đấu vào Đảng phải luôn kiên định mục tiêu, lý tưởng đã lựa chọn, trong bất kỳ tình huống nào cũng không được dao động, giảm sút niềm tin và

ý chí chiến đấu; phải tích cực tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Vì vậy, tham gia xây dựng tổ chức đảng ở cơ sở trong sạch, vững mạnh là trách nhiệm của người phấn đấu vào Đảng.

- Nội dung tham gia xây dựng tổ chức cơ sở đảng của người phấn đấu vào Đảng là: bằng sự hiểu biết và kinh nghiệm thực tế của mình, quan tâm đóng góp ý kiến với chi bộ, đảng bộ trong việc lãnh đạo cơ quan, đơn vị; chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống nhân dân và động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Một số nội dung cụ thể tham gia xây dựng Đảng ở cơ sở:

+ Tích cực hưởng ứng các phong trào, các hoạt động triển khai thực hiện chủ trương, nhiệm vụ do đảng bộ, chi bộ đề ra với tinh thần chủ động, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu cao nhất. Góp phần tích cực đưa những chủ trương, nhiệm vụ đó vào cuộc sống,

tạo ra bước phát triển mới ở cơ sở, đơn vị, nhất là về phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống của người lao động, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy lùi những biểu hiện tiêu cực.

+ Chủ động nắm bắt tình hình thực tế, nắm bắt tình hình tư tưởng của quần chúng nhân dân, kết quả thực hiện chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, kịp thời phản ánh, đề xuất với tổ chức đảng.

+ Tích cực và mạnh dạn tham gia góp ý kiến đối với sự lãnh đạo của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

+ Tham gia ý kiến khi được hỏi về việc giới thiệu những đảng viên ưu tú, đủ tiêu chuẩn để tổ chức đảng xem xét, bầu vào cấp ủy; giới thiệu những quần chúng ưu tú có đủ điều kiện để tổ chức đảng xét kết nạp.

+ Tham gia góp ý kiến đối với hoạt động của chính quyền và đoàn thể, góp phần xây dựng cơ sở chính trị trong sạch, vững mạnh.

+ Tích cực và kiên quyết đấu tranh bảo vệ Đảng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở, đơn vị. Góp phần làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn phá hoại của các phần tử xấu, các thế lực thù địch lợi dụng dân chủ để xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng; vu cáo, bôi nhọ những cán bộ, đảng viên tích cực, trung thực; kích động, chia rẽ đoàn kết, gây rối nội bộ.

III- ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN PHẤN ĐẤU ĐỂ TRỞ THÀNH ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thế hệ thanh niên ngày nay được sống, học tập, lao động trong môi trường hòa bình; được thừa hưởng những thành quả của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; được cống hiến và trưởng thành trong sự ổn định về chính trị, sự phát triển vững chắc của kinh tế - xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện; được gia đình và xã hội dành cho nhiều cơ hội học tập để có trình độ văn hóa, chuyên môn cao hơn các lớp thanh niên

đi trước. Những lợi thế đó là hành trang giúp thanh niên vững bước tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Vì lý tưởng: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", Thanh niên Việt Nam ngày nay mang trên vai trọng trách lịch sử. Trọng trách đó là phải trở thành lực lượng lao động có trí tuệ và có tay nghề cao, có đạo đức và lối sống trong sáng, có sức khỏe thể chất và sức khỏe tâm thần cường tráng để đưa Việt Nam "*sánh vai với các cường quốc năm châu*" như sinh thời Bác hằng mong muốn. Thanh niên đang tự khẳng định mình là thế hệ vượt lên hơn so với các thế hệ thanh niên đi trước và đang dần dần xóa bỏ ranh giới tụt hậu để sánh vai ngang bằng với thanh niên các nước trên thế giới. Để đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trở thành người thừa kế trung thành sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, con đường phát triển của thanh niên là phấn đấu để trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Để trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bản thân mỗi người thanh niên phải tự học,

tự rèn luyện, tự tu dưỡng, tự tin, tự chịu trách nhiệm để trở thành nguồn lao động chất lượng cao, thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, thanh niên phải tích cực tham gia học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, bồi đắp lý tưởng cách mạng trong sáng. Bối cảnh trong nước và quốc tế đang tác động một cách toàn diện lên tất cả các đối tượng thanh niên, cả về tư tưởng, tình cảm, lối sống, nhu cầu của từng thanh niên. Do đó, thanh niên phải rèn luyện để có lập trường tư tưởng vững vàng, có lòng yêu nước, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng và lối sống lành mạnh; tích cực tham gia vào các cuộc đấu tranh bảo vệ Đảng, Nhà nước và bảo vệ Cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đấu tranh chống lại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch và các tiêu cực, tệ nạn xã hội, tham nhũng...

Thứ hai, thanh niên cần tích cực học tập và tự học tập để nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, khoa học, kỹ thuật và tay nghề. Trong thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội trong nước và hội nhập quốc tế,

thanh niên nước ta cần nâng cao trình độ học vấn, tay nghề, khả năng thực tế, kỹ năng lao động để thích ứng với thị trường lao động trong nước và thị trường lao động quốc tế. Thanh niên phải tích cực tham gia xây dựng xã hội học tập với phương châm: người thanh niên nào cũng phải học, ở đâu, làm gì, thời gian nào cũng phải học; người thanh niên nào cũng phải xác định tham gia học tập thường xuyên, suốt đời là quyền và nghĩa vụ của bản thân.

Thứ ba, thanh niên phải tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Thanh niên phải tích cực tham gia bảo vệ và xây dựng hệ thống chính trị ở các cấp vững mạnh và tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững chắc. Thanh niên tự nguyện, tự giác tham gia vào các Hội của thanh niên, phấn đấu trở thành đoàn viên, đảng viên của Đảng và hội viên của các tổ chức quần chúng nhân dân.

Thứ tư, thanh niên phải tích cực tham gia vào việc xây dựng môi trường xã hội lành mạnh và môi trường sinh thái trong lành, sạch đẹp. Tích cực

tham gia phòng chống ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Thứ năm, thanh niên phải xung kích, đi đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tích cực tham gia các chương trình, dự án của địa phương; tự nguyện, tự giác tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia các hoạt động bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Thứ sáu, thanh niên cần chủ động tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế; tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu; tham gia vào công tác ngoại giao nhân dân để nâng tầm ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế; chủ động và tham gia có hiệu quả vào giải quyết các vấn đề toàn cầu như: giữ gìn hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, hạn chế sự bùng nổ dân số, phòng ngừa và đẩy lùi các dịch bệnh hiểm nghèo...

Kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc ta, mỗi thanh niên Việt Nam cần ra sức học tập, trau dồi lý tưởng độc lập dân tộc

và chủ nghĩa xã hội; ra sức thi đua lao động và rèn luyện để hình thành một thế hệ thanh niên tân tiến, xứng tầm đòi hỏi của đất nước và thời đại.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Tiêu chuẩn, điều kiện như thế nào để được xét kết nạp vào Đảng?
2. Vì sao vấn đề xây dựng động cơ vào Đảng đúng đắn được đặt lên hàng đầu và có ý nghĩa quyết định đối với việc phấn đấu trở thành đảng viên?
3. Cần làm gì và phấn đấu như thế nào để trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam?

PHỤ LỤC

A- MỘT SỐ TÀI LIỆU CẦN ĐỌC

CHÁNH CƯƠNG VẮN TẮT CỦA ĐẢNG

Tư bản bản xứ đã thuộc tư bản Pháp, vì tư bản Pháp hết sức ngăn trở sức sinh sản làm cho công nghệ bản xứ không thể mở mang được. Còn về nông nghệ một ngày một tập trung đã phát sinh ra lắm khủng hoảng, nông dân thất nghiệp nhiều. Vậy tư bản bản xứ không có thế lực gì ta không nên nói cho họ đi về phe đế quốc được, chỉ bọn đại địa chủ mới có thế lực và đứng hẳn về phe đế quốc chủ nghĩa nên chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

A- Về phương diện xã hội thì:

a) Dân chúng được tự do tổ chức.

b) Nam nữ bình quyền, v.v..

c) Phổ thông giáo dục theo công nông hóa.

B- Về phương diện chính trị:

a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.

b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.

c) Dựng ra Chính phủ công nông binh.

d) Tổ chức ra quân đội công nông.

C- Về phương diện kinh tế:

a) Thủ tiêu hết các thứ quốc trái.

b) Thâu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý.

c) Thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo.

d) Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo.

e) Mở mang công nghiệp và nông nghiệp.

f) Thi hành luật ngày làm tám giờ.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.2, tr.2-3.

SÁCH LƯỢC VẮN TẮT CỦA ĐẢNG

1. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.

2. Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trúc bọn đại địa chủ và phong kiến.

3. Đảng phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia.

4. Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh Niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ.

5. Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp, trong

khi tuyên truyền cái khẩu hiệu *nước An Nam độc lập*, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.2, tr.4-5.

CHƯƠNG TRÌNH TÓM TẮT CỦA ĐẢNG

1. Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng.

2. Đảng tập hợp đa số quần chúng nông dân, chuẩn bị cách mạng thổ địa và lật đổ bọn địa chủ và phong kiến.

3. Đảng giải phóng công nhân và nông dân thoát khỏi ách tư bản.

4. Đảng lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản; Đảng tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản và tư bản bậc trung, đánh đổ các đảng phản cách mạng như Đảng Lập hiến, v.v..

5. Không bao giờ Đảng lại hy sinh quyền lợi của giai cấp công nhân và nông dân cho một giai cấp nào khác.

Đảng phổ biến khẩu hiệu "Việt Nam tự do" và đồng thời Đảng liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới nhất là với quần chúng vô sản Pháp.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1930

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.2, tr.6.

CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (Bổ sung, phát triển năm 2011)

I- QUÁ TRÌNH CÁCH MẠNG VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và *giành được những thắng lợi vĩ đại*: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ

Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Với những thắng lợi đã giành được trong hơn 80 năm qua, nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn nhiều.

Trong lãnh đạo, Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm, khuyết điểm

nghiêm trọng do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan. Đảng đã nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, tự đổi mới, chỉnh đốn để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

2. Từ thực tiễn phong phú của cách mạng, Đảng đã rút ra *những bài học kinh nghiệm lớn*:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ

dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng

Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên.

II- QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

1. Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong *bối cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc.*

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến sự phát triển của nhiều nước. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo,

chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên và cạnh tranh quyết liệt về lợi ích kinh tế tiếp tục diễn ra phức tạp. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định. Tình hình đó tạo thời cơ phát triển, đồng thời đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước đang và kém phát triển.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt, từng là chỗ dựa cho phong trào hòa bình và cách mạng thế giới, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục. Tuy nhiên, các nước theo

con đường xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và cánh tả còn gặp nhiều khó khăn, các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, tìm cách xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản.

Các nước đang phát triển, kém phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp chống nghèo nàn, lạc hậu, chống mọi sự can thiệp, áp đặt và xâm lược để bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, dân tộc.

Nhân dân thế giới đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh

loài người. Đó là giữ gìn hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo... Việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các quốc gia, dân tộc.

Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. *Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.*

2. Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ,

công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Đây là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen. Chúng ta có nhiều thuận lợi cơ bản: có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, có bản lĩnh chính trị vững vàng và dày dạn kinh nghiệm lãnh đạo; dân tộc ta là một dân tộc

anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt; nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, có truyền thống đoàn kết và nhân ái, cần cù lao động và sáng tạo, luôn ủng hộ và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; chúng ta đã từng bước xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng; cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự hình thành và phát triển kinh tế tri thức cùng với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là một thời cơ để phát triển.

Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, toàn Đảng, toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy

mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, quán triệt và thực hiện tốt *các phương hướng* cơ bản sau đây:

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản đó, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt *các mối quan hệ lớn:* quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;... Không phiến diện, cực đoan, duy ý chí.

III- NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI

1. Phát triển *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế

hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển. Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Phân định rõ quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển;

các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; *thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới. Bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng

kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

2. *Xây dựng nền văn hóa Việt Nam* tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu hiện phản văn hóa. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện

thông tin đại chúng đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, đa dạng, kịp thời, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hóa, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu phải là môi trường rèn luyện phong cách làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, bồi đắp tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người và nền văn hóa Việt Nam.

Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam. Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời.

Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học

và công nghệ gắn với phát triển văn hóa và nâng cao dân trí. Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ.

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch và tiêu dùng sạch. Coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên. Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia.

Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ,

hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.

Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm

tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đào tạo, bồi dưỡng, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước. Xây dựng đội ngũ những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi, có trách nhiệm xã hội, tâm huyết với đất nước và dân tộc. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác. Hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc

dân tộc, chấp hành tốt pháp luật nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước.

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa *các dân tộc*, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật-thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do *tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo* của nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ của *quốc phòng, an ninh* là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa,

giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

Sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội là nền tảng vững chắc của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trên từng địa bàn.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu. Xây dựng Quân đội nhân dân với số quân thường trực hợp lý, có sức chiến đấu cao; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh toàn diện; kết hợp lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong điều kiện mới. Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang được trang bị kỹ thuật từng bước hiện đại.

Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

4. Thực hiện nhất quán đường lối *đối ngoại* độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

Phấn đấu cùng các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh.

IV- HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. *Dân chủ xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.

Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống

chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

2. Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

3. *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân* có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam

vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

Các đoàn thể nhân dân tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã được xác định, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ về mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

4. *Đảng Cộng sản Việt Nam* là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp

công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên

ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường dân chủ và kỷ luật trong hoạt động

của Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

*

* *

Cương lĩnh của Đảng là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và nhân dân ta trong những thập kỷ tới. Thực hiện thắng lợi Cương lĩnh này, nước nhà nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, hạnh phúc.

Đảng kêu gọi tất cả đảng viên của Đảng, toàn thể đồng bào Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài mang hết tinh thần và nghị lực phấn đấu

thực hiện thắng lợi Cương lĩnh, vững bước đi tới tương lai.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.63-90.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NÓI VỀ ĐẢNG

"Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc".

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.496.

"Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta".

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.92.

"TƯ CÁCH CỦA ĐẢNG CHÂN CHÍNH CÁCH MẠNG

1. Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng.

2. Cán bộ của Đảng phải hiểu biết lý luận cách mạng, và lý luận cùng thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau.

3. Khi đặt ra khẩu hiệu và chỉ thị, luôn luôn phải dựa vào điều kiện thiết thực và kinh nghiệm cách mạng ở các nước, ở trong nước và ở địa phương.

4. Phải luôn luôn do nơi quần chúng mà kiểm soát những khẩu hiệu và chỉ thị đó có đúng hay không.

5. Phải luôn luôn xem xét lại tất cả công tác của Đảng. Mọi công tác của Đảng luôn luôn phải đứng về phía quần chúng. Phải đem tinh thần yêu nước và cần, kiệm, liêm, chính mà dạy bảo cán bộ, đảng viên và nhân dân.

6. Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc và phải liên hợp chặt chẽ với dân chúng. Nếu

không vậy, thì chẳng những không lãnh đạo được dân chúng mà cũng không học được dân chúng.

Chẳng những không nâng cao được dân chúng, mà cũng không biết ý kiến của dân chúng.

7. Mỗi công việc của Đảng phải giữ vững tính cách mạng của nó, lại phải khéo dùng những cách thức thi hành cho hoạt bát.

Nếu không vậy thì không biết nắm vững các cách thức tranh đấu và các cách thức tổ chức, không biết liên hợp lợi ích ngày thường và lợi ích lâu dài của dân chúng.

8. Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa, để tiến bộ, và để dạy bảo cán bộ và đảng viên.

9. Đảng phải chọn lựa những người rất trung thành và rất hăng hái, đoàn kết họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo.

10. Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hóa ra ngoài.

11. Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới.

Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí.

Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng.

12. Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hóa ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng.

Muốn cho Đảng được vững bền
Mười hai điều đó chớ quên điều nào".

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.289-290.

"NGƯỜI ĐẢNG VIÊN ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM PHẢI THẾ NÀO?

Thế nào mới xứng đáng là người đảng viên Đảng Lao động Việt Nam?

Tuyên ngôn của Đảng đã trả lời rõ câu ấy:

Đảng Lao động Việt Nam sẽ gồm những công nhân, nông dân và lao động trí óc *yêu nước nhất, hăng hái nhất, cách mệnh nhất.* Nó sẽ gồm những người *kiên quyết phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, phụng sự lao động,* những người *chí*

công vô tư, làm gương mẫu trong công cuộc kháng chiến kiến quốc.

Như thế là rõ.

Ai mà không như thế, thì không xứng đáng là người đảng viên Đảng Lao động Việt Nam.

Làm gương mẫu thế nào?

Nói chung, thì người đảng viên ở bất kỳ đâu, bất kỳ làm việc gì, bất kỳ địa vị nào và hoàn cảnh nào, cũng phải luôn luôn:

- Đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết.

- Phải ra sức tham gia công việc kháng chiến.

- Phải gần gũi dân chúng, thương yêu, giúp đỡ dân chúng, tổ chức và lãnh đạo dân chúng.

- Phải giữ vững đạo đức cách mệnh, là chí công vô tư.

Nói riêng từng người, thì đảng viên *quân nhân*:

- Phải luôn luôn giữ gìn kỷ luật, và quý trọng, tiết kiệm của công.

- Phải ra sức học tập chính trị và quân sự.

- Phải thương yêu anh em trong đội và dân chúng.

- Phải thi đua giết giặc, lập công.

Đảng viên *công nhân*:

- Phải cố gắng học tập chính trị, văn hóa và trau dồi kỹ thuật.

- Phải thi đua tiết kiệm nguyên liệu, tăng năng suất.

- Phải giúp anh em cùng tiến bộ.

Đảng viên *nông dân*:

- Phải cố học tập chính trị và văn hóa.

- Phải ra sức hoạt động trong nông hội và ở địa phương mình.

- Phải thi đua tăng gia sản xuất, làm cho quân và dân ta no cơm ấm áo.

Đảng viên *trí thức*:

- Phải gần gũi, học tập và giúp đỡ quần chúng công nông. Phải "công nông hóa".

- Phải cố thực hiện và giúp anh chị em thực hiện Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Nói tóm lại: Người đảng viên - dù công tác to hay nhỏ, địa vị cao hay thấp - ở đâu cũng phải làm gương mẫu cho quần chúng.

Mỗi đảng viên là một người thay mặt cho Đảng trước quần chúng, để giải thích chính sách của

Đảng và của Chính phủ cho quần chúng hiểu rõ và vui lòng thi hành. Mà muốn cho quần chúng hăng hái thi hành, thì người đảng viên ắt phải xung phong làm gương mẫu để quần chúng bắt chước, làm theo.

Mà muốn cho quần chúng nghe lời mình, làm theo mình, thì người đảng viên, từ việc làm, lời nói cho đến cách ăn ở, phải thế nào cho *dân tin, dân phục, dân yêu.* Thế là làm cho dân tin Đảng, phục Đảng, yêu Đảng và làm theo chính sách của Đảng và của Chính phủ.

Đảng viên nào không được dân tin, dân phục, dân yêu thì chưa xứng đáng là một người đảng viên của Đảng Lao động Việt Nam.

Vì vậy, mỗi đảng viên phải luôn luôn cố gắng".

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.54-55.

"Vì sao chúng ta vào Đảng? Phải chăng để thăng quan, phát tài? Không phải!...

Chúng ta vào Đảng là để hết lòng hết sức phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, làm trọn nhiệm vụ của người đảng viên...".

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.112.

"TRƯỚC HẾT NÓI VỀ ĐẢNG - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân.

ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết".

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.621-622.

"... Việc cần phải làm trước tiên *là chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi".

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.616.

"Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ.

Chúng ta phải thực hiện ngay:

1. Làm cho dân có ăn.

2. Làm cho dân có mặc.

3. Làm cho dân có chỗ ở.

4. Làm cho dân có học hành.

Cái mục đích chúng ta đi đến là bốn điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức được cho tự do độc lập".

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.175.

"Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*.

Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*.

Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra*.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*".

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232.

"Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến.

Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước. Đồng chí ta nhiều người đã làm được nhưng vẫn còn những người hủ hóa. Đảng có trách nhiệm gột rửa cho các đồng chí đó".

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.16.

"Đạo đức cách mạng là hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng. Do lời nói và việc làm, đảng viên, đoàn viên và cán bộ làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, đoàn kết quần chúng chặt chẽ chung quanh Đảng, tổ chức, tuyên truyền và động viên quần chúng hăng hái thực hiện chính sách và nghị quyết của Đảng".

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.609.

"Chúng ta, tất cả đảng viên, đoàn viên, tất cả cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng cần phải quyết

tâm suốt đời phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Đó là phẩm chất cao quý của người cách mạng, đó là đạo đức cách mạng, đó là tính Đảng, tính giai cấp, nó bảo đảm cho sự thắng lợi của Đảng, của giai cấp, của nhân dân".

Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.611.

B- HƯỚNG DẪN CÁC THỦ TỤC KẾT NẠP NGƯỜI VÀO ĐẢNG

Các thủ tục kết nạp người vào Đảng đã được quy định rõ tại Điều 4 Điều lệ Đảng.

Căn cứ vào Điều lệ Đảng, Ban Tổ chức Trung ương Đảng đã hướng dẫn một số thủ tục hoặc công việc cụ thể như sau:

1. Giấy chứng nhận học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng (nền hoa văn) gồm: mẫu dùng cho Trung tâm chính trị cấp huyện; mẫu dùng cho cấp ủy tổ chức lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng.

2. Người vào Đảng phải làm đơn xin vào Đảng (Mẫu 1-KNĐ).

3. Người vào Đảng phải tự khai trung thực, đầy đủ, rõ ràng lý lịch của mình và lý lịch đó phải được đảng ủy cơ sở thẩm tra kỹ (Mẫu 2-KNĐ).

4. Đảng viên chính thức giới thiệu người vào Đảng (Mẫu 3-KNĐ).

5. Nghị quyết của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở cơ sở giới thiệu đoàn viên thanh niên vào Đảng (Mẫu 4-KNĐ).

6. Nghị quyết giới thiệu đoàn viên công đoàn vào Đảng (Mẫu 4A-KNĐ).

7. Tổng hợp ý kiến của tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội nơi sinh hoạt và chi ủy nơi cư trú đối với người vào Đảng (Mẫu 5-KNĐ).

8. Nghị quyết đề nghị kết nạp đảng viên của chi bộ (Mẫu 6-KNĐ).

9. Báo cáo thẩm định nghị quyết đề nghị kết nạp đảng viên của đảng ủy bộ phận (Mẫu 7-KNĐ).

10. Nghị quyết đề nghị kết nạp đảng viên của đảng ủy cơ sở (Mẫu 8-KNĐ).

11. Quyết định kết nạp đảng viên của cấp ủy có thẩm quyền (nền hoa văn) (Mẫu 9-KNĐ).

12. Quyết định kết nạp lại người vào Đảng của cấp ủy có thẩm quyền (nền hoa văn) (Mẫu 9A-KNĐ).

13. Quyết định kết nạp đảng viên của đảng ủy cơ sở được ủy quyền (nền hoa văn) (Mẫu 9B-KNĐ).

1. Giấy chứng nhận học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng (nền hoa văn)

a) Mẫu dùng cho Trung tâm chính trị cấp huyện

Trung tâm chính trị **Huyện**..... Số...../CN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận đồng chí..... Sinh ngày... tháng... năm...

Nơi sinh: .....

Chức vụ:.....

Đơn vị: .....

Là cảm tình Đảng của chi bộ: .....

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nhận thức về Đảng theo quy định của Trung ương,

Do: .....

Tổ chức từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

Kết quả học tập đạt loại:

..., ngày... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

b) Mẫu dùng cho cấp ủy tổ chức lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng

ĐẢNG BỘ ..... Số...../CN	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận đồng chí..... Sinh ngày... tháng... năm...

Nơi sinh:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

Là cảm tình Đảng của chi bộ: .....

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nhận thức về Đảng theo quy định của Trung ương,

Do:.....

Tổ chức từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

Kết quả học tập đạt loại:.....

..., ngày... tháng... năm...

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

2. Đơn xin vào Đảng (Mẫu 1-KNĐ)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐƠN XIN VÀO ĐẢNG

Kính gửi: Chi ủy[1].....

Đảng ủy:.....

Tên tôi là:..... Sinh ngày... tháng... năm...

Nơi sinh:.....

Dân tộc:..... Tôn giáo: .....

Trình độ học vấn:.....

Nơi cư trú[2]:.....

Nghề nghiệp:.....

Đơn vị công tác:.....

Chức vụ chính quyền, đoàn thể:.....

Vào Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ngày... tháng... năm... tại .....

1. Nơi không có chi ủy thì ghi chi bộ.
2. Ghi nơi thường trú, hoặc nơi tạm trú.

Được xét là cảm tình Đảng ngày... tháng... năm... tại chi bộ .....

Qua nghiên cứu Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; được sự giáo dục, bồi dưỡng của chi bộ và của tổ chức Đoàn, Công đoàn (nếu có) tôi đã nhận thức được:.....

.....

.....

.....

Tôi nguyện trung thành với lý tưởng và mục tiêu cách mạng của Đảng, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xứng đáng là đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

..., ngày... tháng... năm 20...

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

3. Lý lịch của người xin vào Đảng (Mẫu 2-KNĐ)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LÝ LỊCH
CỦA NGƯỜI XIN VÀO ĐẢNG

Họ và tên đang dùng:.....
Họ và tên khai sinh:.....
Quê quán:.....
Số lý lịch:.....

- Kích thước: 14,5 x 20,5 cm.

- *Nội dung trong lý lịch của người xin vào Đảng (gồm 32 trang) cụ thể như sau:*

+ Trang 1: Sơ lược lý lịch;

+ Trang 2 - 8: Lịch sử bản thân và những công tác đã qua;

+ Trang 9: Đặc điểm lịch sử;

+ Trang 10: Những lớp đào tạo, bồi dưỡng đã qua và đi nước ngoài;

+ Trang 11: Khen thưởng và kỷ luật;

+ Trang 12 - 24: Hoàn cảnh gia đình;

+ Trang 25: Tự nhận xét và cam đoan;

+ Trang 26: Nhận xét của chi ủy và chứng nhận của cấp ủy cơ sở;

+ Trang 27 - 32: Nhận xét của cấp ủy hoặc tổ chức có thẩm quyền nơi đến thẩm tra lý lịch của người vào Đảng.

- *Viết lý lịch người xin vào Đảng:*

+ Yêu cầu: Người vào Đảng phải tự khai trung thực, đầy đủ, rõ ràng các nội dung trong lý lịch của người xin vào Đảng; không tẩy xóa, sửa chữa và nhờ người khác viết hộ.

+ Lý lịch của người xin vào Đảng:

01. Họ và tên đang dùng: Ghi đúng họ, chữ đệm và tên như trong giấy chứng minh thư nhân dân, bằng chữ in hoa, ví dụ: NGUYỄN VĂN HÙNG.

02. Nam, nữ: Là nam thì gạch chữ "nữ", là nữ thì gạch chữ "nam".

03. Họ và tên khai sinh: Ghi đúng họ, chữ đệm và tên ghi trong giấy khai sinh.

04. Bí danh: Ghi các bí danh đã dùng (nếu có).

05. Ngày, tháng, năm sinh: Ghi đúng ngày, tháng, năm sinh ghi trong giấy khai sinh.

06. Nơi sinh: Ghi rõ xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thành phố trực thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) nơi cấp giấy khai sinh theo tên hiện dùng của hệ thống hành chính nhà nước.

07. Quê quán: Ghi rõ nơi gia đình, họ hàng của cha đẻ sinh sống từ nhiều đời; trường hợp cá biệt có thể ghi theo quê quán của người mẹ hoặc người nuôi dưỡng mình từ nhỏ (nếu không biết rõ bố, mẹ). Ghi địa chỉ như cách ghi ở mục 06.

08. Nơi cư trú:

- Nơi thường trú: Ghi địa chỉ đăng ký thường trú (thôn, xã, huyện, tỉnh, thành phố; số nhà, đường phố, phường, thị xã, quận, thành phố).

- Nơi tạm trú: Bản thân đang tạm trú ở đâu thì viết địa chỉ nơi tạm trú đó.

09. Dân tộc: Ghi tên dân tộc gốc của bản thân như: Kinh, Thái, Tày, Nùng, Mường... (nếu là con lai người nước ngoài thì ghi rõ quốc tịch, dân tộc của bố, mẹ là người nước ngoài).

10. Tôn giáo: Trước khi vào Đảng theo tôn giáo nào thì ghi rõ (ví dụ: đạo Phật, đạo Thiên Chúa,

đạo Hồi, đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo... ghi cả chức vụ trong tôn giáo - nếu có), nếu không theo tôn giáo nào thì ghi chữ "không".

11. Nghề nghiệp hiện nay: Ghi rõ công việc chính đang làm (ví dụ: công nhân, nông dân, công chức, viên chức, bác sĩ ngoại khoa, bộ đội, nhà văn, nhà báo, chủ doanh nghiệp...; nếu sống phụ thuộc gia đình thì ghi là học sinh, sinh viên hoặc chưa có việc làm).

12. Trình độ hiện nay:

- Giáo dục phổ thông: ghi rõ đã học xong lớp mấy, hay tốt nghiệp hệ 10 năm, 12 năm, học phổ thông hay bổ túc (ví dụ: 8/10 phổ thông, 9/12 bổ túc).

- Giáo dục nghề nghiệp (bao gồm trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề): Ghi theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp (ví dụ: Công nhân kỹ thuật hàm bậc 3, Trung cấp thú y...).

- Giáo dục đại học và sau đại học (bao gồm trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ): Ghi theo văn bằng đã được cấp, thuộc chuyên ngành nào, học chính quy hay tại chức, chuyên tu (ví dụ: Cao đẳng Sư phạm, Đại học Nông nghiệp, Cử nhân

Luật tại chức, Kỹ sư cơ khí, Bác sĩ ngoại khoa; Thạc sĩ kinh tế, Tiến sĩ toán học, Tiến sĩ khoa học...), nếu có nhiều bằng thì ghi tất cả.

- Học hàm: Ghi chức danh được Nhà nước phong (Giáo sư, Phó Giáo sư).

- Lý luận chính trị: Ghi theo chứng chỉ, văn bằng cao nhất đã được cấp như: sơ cấp, trung cấp, cao cấp, cử nhân; học hệ chính quy hay tại chức.

- Ngoại ngữ: Ghi theo văn bằng hoặc chứng chỉ đã được cấp (ví dụ: cử nhân tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga... hoặc tiếng Anh trình độ A...).

- Tin học: Đối với hệ bồi dưỡng thì ghi theo chứng chỉ, chứng nhận đã được cấp (ví dụ: tin học văn phòng; tin học trình độ A, B, C...); nếu tốt nghiệp đại học chuyên ngành tin học thì ghi là đại học.

- Tiếng dân tộc thiểu số: Nói được tiếng dân tộc thiểu số nào thì ghi rõ tên dân tộc đó.

13. Ngày và nơi kết nạp vào Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Ghi rõ ngày, tháng, năm và nơi kết nạp vào Đoàn (chi đoàn, đoàn cơ sở, huyện, tỉnh hoặc cơ quan Trung ương).

14. Ngày và nơi kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ nhất (nếu có): Ghi rõ ngày, tháng, năm và nơi kết nạp vào Đảng (chi bộ, đảng bộ cơ sở, huyện, tỉnh hoặc cơ quan Trung ương).

15. Ngày và nơi công nhận chính thức lần thứ nhất (nếu có): Ghi như mục 14.

16. Người giới thiệu vào Đảng lần thứ nhất (nếu có): Ghi rõ họ, tên, chức vụ, đơn vị công tác, hiện nay ở đâu của từng người giới thiệu mình vào Đảng, nếu ban chấp hành Đoàn cơ sở giới thiệu thì ghi rõ tên đoàn thanh niên cơ sở và tổ chức đoàn thanh niên cấp trên trực tiếp (nếu ban chấp hành công đoàn cơ sở giới thiệu thì cũng ghi nội dung tương tự).

17. Lịch sử bản thân: Tóm tắt quá trình từ thời niên thiếu cho đến ngày tham gia hoạt động xã hội (như ngày vào Đoàn Thanh niên, ngày nhập ngũ, ngày thoát ly hoặc ngày vào hoạt động trong các tổ chức kinh tế, xã hội, ngày vào học ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp...).

18. Những công tác, chức vụ đã qua: Ghi đầy đủ, rõ ràng, liên tục (theo tháng) từ khi tham gia

hoạt động xã hội đến nay, từng thời gian làm việc gì? Ở đâu? Giữ chức vụ gì về Đảng, chính quyền, trong lực lượng vũ trang, các đoàn thể, các tổ chức văn hoá, giáo dục, khoa học, xã hội... (ghi cả thời gian nhập ngũ, xuất ngũ, tái ngũ, đi học, đi chữa bệnh, đi nghỉ mát, tham quan nước ngoài, bị bắt, bị tù, bị đứt liên lạc hoặc không hoạt động nếu có...).

19. Đặc điểm lịch sử: Ghi rõ lý do bị ngừng sinh hoạt Đảng (nếu có); có bị bắt, bị tù không (do chính quyền nào, từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu). Có tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu?). Đã tham gia các chức sắc gì trong các tôn giáo.

20. Những lớp đào tạo, bồi dưỡng đã qua: Ghi rõ đã học những lớp lý luận chính trị hay chuyên môn, nghiệp vụ nào, theo chương trình gì; cấp nào mở, tên trường, thời gian học, ở đâu; học chính quy hay tại chức; tên văn bằng hoặc chứng chỉ được cấp.

21. Đi nước ngoài: Ghi rõ thời gian từ tháng, năm nào đến tháng, năm nào, đi nước nào (chỉ ghi

các trường hợp đi học tập, lao động hợp tác, công tác... từ 3 tháng trở lên); do cấp nào cử đi.

22. Khen thưởng: Ghi rõ tháng năm, hình thức được khen thưởng (từ giấy khen trở lên), cấp nào quyết định; các danh hiệu được Nhà nước phong tặng: Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân...

23. Kỷ luật: Ghi rõ tháng năm, lý do sai phạm, hình thức kỷ luật (về kỷ luật đảng, chính quyền, đoàn thể từ khiển trách trở lên), cấp nào quyết định.

24. Hoàn cảnh gia đình: Ghi rõ những người chủ yếu trong gia đình như:

- Cha, mẹ đẻ (hoặc người nuôi dưỡng từ nhỏ), cha, mẹ vợ (hoặc cha, mẹ chồng), vợ (hoặc chồng). Ghi rõ: họ và tên, năm sinh, nơi sinh, quê quán, nơi cư trú, nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế, lịch sử chính trị của từng người qua các thời kỳ:

+ Về hoàn cảnh kinh tế từng người: Ghi rõ thành phần giai cấp trước Cách mạng Tháng Tám

năm 1945, trong cải cách ruộng đất năm 1954 (ở miền Bắc) hoặc trong cải tạo nông, công, thương nghiệp năm 1976 ở các tỉnh, thành phố phía Nam từ Quảng Trị trở vào như: cố nông, bần nông, trung nông, phú nông, địa chủ, công chức, viên chức, dân nghèo, tiểu thương, tiểu chủ, tiểu tư sản, tư sản... (nếu có sự thay đổi thành phần giai cấp thì ghi rõ lý do). Nếu thành phần gia đình chưa được quy định ở các thời điểm nêu trên và hiện nay thì ghi như nội dung hướng dẫn ở mục 11 nêu trên.

+ Về lịch sử chính trị của từng người: Ghi rõ đã tham gia tổ chức cách mạng; làm công tác gì, giữ chức vụ gì? Tham gia hoạt động và giữ chức vụ gì trong tổ chức chính quyền, đoàn thể, đảng phái nào... của đế quốc hoặc chế độ cũ; hiện nay, những người đó làm gì? Ở đâu? Nếu đã chết thì ghi rõ lý do chết, năm nào? Tại đâu?

- Anh, chị, em ruột của bản thân, của vợ (hoặc chồng); các con: Ghi rõ họ tên, năm sinh, nơi cư trú, nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế, thái độ chính trị của từng người.

Đối với ông, bà nội, ngoại: Ghi rõ họ tên, tuổi, nơi cư trú, nghề nghiệp, lịch sử chính trị của từng người.

25. Tự nhận xét: Ghi những ưu, khuyết điểm chính của bản thân về các mặt phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác và quan hệ quần chúng từ khi phấn đấu vào Đảng đến nay; sự tín nhiệm của quần chúng và đảng viên ở đơn vị công tác đối với bản thân như thế nào?

26. Cam đoan và ký tên: Ghi rõ "Tôi cam đoan đã khai đầy đủ, rõ ràng và chịu trách nhiệm trước Đảng về những nội dung đã khai trong lý lịch"; ngày, tháng, năm, ký tên, ghi rõ họ tên.

27. Nhận xét của chi ủy chi bộ: Sau khi có kết quả thẩm tra, xác minh lý lịch của người xin vào Đảng, chi bộ kết luận, chi ủy chi bộ viết rõ bản lý lịch đã khai đúng sự thật chưa? Không đúng ở điểm nào? Có vi phạm tiêu chuẩn lịch sử chính trị và chính trị hiện nay không? Quan điểm, lập trường, phẩm chất đạo đức, lối sống và quan hệ quần chúng... của người xin vào Đảng?

28. Chứng nhận của cấp ủy cơ sở: Sau khi thẩm định lại kết quả thẩm tra, xác minh và làm rõ

những vấn đề chưa rõ hoặc còn nghi vấn trong nội dung lý lịch của người xin vào Đảng, tập thể cấp ủy cơ sở xem xét, kết luận thì đồng chí bí thư cấp ủy viết rõ: "chứng nhận lý lịch của đồng chí..... khai tại đảng bộ (hoặc chi bộ) cơ sở..... là đúng sự thực; không (hoặc có) vi phạm lịch sử chính trị và chính trị hiện nay của người vào Đảng theo quy định của Bộ Chính trị; có đủ (hoặc không đủ) điều kiện về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay để xem xét kết nạp đồng chí..... vào Đảng", viết rõ ngày, tháng, năm, chức vụ, ký tên, họ và tên, đóng dấu của cấp ủy cơ sở. Trường hợp cấp ủy cơ sở chưa có con dấu, thì cấp ủy cấp trên trực tiếp xác nhận chữ ký của bí thư cấp ủy cơ sở, viết rõ chức vụ, ký tên, đóng dấu của cấp ủy.

29. Nhận xét của cấp ủy, tổ chức đảng nơi đến thẩm tra lý lịch của người vào Đảng:

a) Nhận xét của ban thường vụ hoặc của ban chấp hành đảng bộ cơ sở nơi đến thẩm tra.

Viết những nội dung cần thiết về lý lịch của người xin vào Đảng do cấp ủy nơi có người xin vào

Đảng yêu cầu đã đúng hay chưa đúng, hoặc chưa đủ với nội dung người xin vào Đảng đã khai trong lý lịch; tập thể cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy thống nhất nội dung ghi vào mục "Nhận xét của cấp ủy, tổ chức đảng..." ở phần cuối bản "Lý lịch của người xin vào Đảng". Người thay mặt cấp ủy xác nhận, ký tên, ghi rõ chức vụ, đóng dấu của cấp ủy.

b) Nhận xét của cơ quan, tổ chức hoặc của thường trực cấp ủy cấp trên cơ sở (nếu có).

Viết những nội dung cần thiết về lý lịch của người xin vào Đảng do cấp ủy nơi có người xin vào Đảng yêu cầu đã đúng hay chưa đúng, hoặc chưa đủ với nội dung người xin vào Đảng đã khai trong lý lịch; tập thể thường trực cấp ủy hoặc lãnh đạo ban tổ chức cấp ủy thống nhất nội dung ghi vào mục "Nhận xét của cấp ủy, tổ chức đảng..." ở phần cuối bản "Lý lịch của người xin vào Đảng". Người thay mặt thường trực cấp ủy hoặc lãnh đạo ban tổ chức xác nhận, ký tên, ghi rõ chức vụ, đóng dấu của cấp ủy hoặc ban tổ chức.

4. Giấy giới thiệu người vào Đảng (Mẫu 3-KNĐ)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

GIẤY GIỚI THIỆU
Người vào Đảng

Kính gửi: Chi bộ:.....
.....

Tôi là:....., sinh ngày... tháng... năm...

Vào Đảng ngày... tháng... năm..., chính thức ngày... tháng... năm...

Chức vụ trong Đảng hiện nay:....., chức vụ chính quyền:.....

Quê quán:.....

Đang sinh hoạt tại Chi bộ: .....

Ngày... tháng... năm... được Chi bộ phân công giáo dục, giúp đỡ quần chúng..... phấn đấu vào Đảng; nay xin báo cáo với Chi bộ những vấn đề chủ yếu về người phấn đấu vào Đảng như sau:

- Về lý lịch:

Những đặc điểm chính cần lưu ý:.....

.....

.....

- Những ưu, khuyết điểm chính:

(Về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay; chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác, quan hệ quần chúng)

.....

.....

.....

.....

Đối chiếu với tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, tôi giới thiệu với Chi bộ xem xét, đề nghị kết nạp quần chúng..... vào Đảng.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước Đảng về sự giới thiệu của mình.

..., ngày ... tháng... năm 20...

ĐẢNG VIÊN GIỚI THIỆU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Nghị quyết giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng (Mẫu 4-KNĐ)

BAN CHẤP HÀNH ĐOÀN*
ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
TỈNH, TP.....
.....

..., ngày... tháng... năm...

Số..... -NQ/ĐTN

NGHỊ QUYẾT
Giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng

Kính gửi: Chi bộ:.....
Đảng ủy: .....

- Căn cứ điểm 1, Điều 4, Chương I, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền hạn của ban chấp hành đoàn cơ sở giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng.
- Xét nghị quyết của Chi đoàn .....
- Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh ..... họp ngày... tháng... năm... nhận thấy:

---

* Theo Hướng dẫn số 29-HD/TWĐTN-VP ngày 29/10/2013 của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hướng dẫn thể thức văn bản của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Đoàn viên:..... có những ưu, khuyết điểm chính

(Về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay; chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác, quan hệ quần chúng)

.....

.....

.....

Đối chiếu với tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, chúng tôi giới thiệu và đề nghị Chi bộ, Đảng ủy xem xét, kết nạp đoàn viên..... vào Đảng, với sự tán thành của..... đồng chí (đạt.....%) so với tổng số ủy viên Ban Chấp hành; số không tán thành..... đồng chí với lý do.....

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung giới thiệu nói trên và sẽ tiếp tục giáo dục, bồi dưỡng đoàn viên..... trở thành đảng viên chính thức của Đảng.

T/M.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

6. Nghị quyết giới thiệu đoàn viên công đoàn vào Đảng (Mẫu 4A-KNĐ)

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG...
CÔNG ĐOÀN*.....
.....
*
Số.....-NQ/....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

NGHỊ QUYẾT
Giới thiệu đoàn viên công đoàn vào Đảng

Kính gửi: Chi bộ.....
Đảng ủy .....

- Căn cứ điểm 1, Điều 4, Chương I, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền hạn của ban chấp hành công đoàn cơ sở giới thiệu đoàn viên công đoàn vào Đảng.
- Xét Nghị quyết của Công đoàn .....
- Ban..... Công đoàn..... họp ngày... tháng... năm... nhận thấy:

---

* Theo Quyết định số 1014/QĐ-TLĐ ngày 19/8/2011 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản của tổ chức công đoàn.

Đoàn viên:..... có những ưu, khuyết điểm chính *(Về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay; chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác, quan hệ quần chúng)*

.....

.....

.....

Đối chiếu với tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, chúng tôi giới thiệu và đề nghị Chi bộ, Đảng ủy xem xét, kết nạp đoàn viên..... vào Đảng, với sự tán thành của..... đồng chí (đạt.....%) so với tổng số ủy viên Ban Chấp hành; số không tán thành..... đồng chí với lý do.....

.....

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung giới thiệu nói trên và sẽ tiếp tục giáo dục bồi dưỡng đoàn viên..... trở thành đảng viên chính thức của Đảng.

T/M.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

7. Tổng hợp ý kiến của tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội nơi người vào Đảng sinh hoạt và chi ủy nơi cư trú đối với người vào Đảng (Mẫu 5-KNĐ)

ĐẢNG BỘ.....
CHI BỘ.....

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày... tháng... năm...

TỔNG HỢP Ý KIẾN NHẬN XÉT
của tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội nơi người vào Đảng sinh hoạt và chi ủy nơi cư trú đối với người vào Đảng

Căn cứ ý kiến nhận xét của đại diện các đoàn thể chính trị - xã hội nơi người vào Đảng sinh hoạt và chi ủy nơi cư trú đối với người vào Đảng.....

Tên các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội nơi người vào Đảng sinh hoạt:....., tổng số có:..... đồng chí.

Tên chi ủy nơi cư trú:....., có:..... đồng chí.

Chi ủy Chi bộ tổng hợp các ý kiến nhận xét đó như sau:

Những ưu, khuyết điểm chính:

(Về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay; chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác, quan hệ quần chúng)

.....

.....

.....

Số đồng chí đại diện các tổ chức chính trị - xã hội nơi sinh hoạt và chi ủy nơi cư trú tán thành kết nạp quần chúng..... vào Đảng là..... đồng chí, trong tổng số.... đồng chí được hỏi ý kiến (đạt.....%).

Số không tán thành..... đồng chí (chiếm.....%) với lý do .....

.....

.....

.....

T/M CHI ỦY

BÍ THƯ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

8. Nghị quyết đề nghị kết nạp đảng viên của chi bộ (Mẫu 6-KNĐ)

ĐẢNG BỘ.....
CHI BỘ.....
*
Số:.....-NQ/CB

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày... tháng... năm...

NGHỊ QUYẾT
đề nghị kết nạp đảng viên

Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Ngày..... tháng..... năm....., Chi bộ:.....

Đã họp để xét, đề nghị kết nạp quần chúng ..... vào Đảng.

Tổng số đảng viên của Chi bộ: ..... đảng viên, trong đó chính thức:..... đồng chí, dự bị:..... đồng chí.

Có mặt:..... đảng viên, trong đó chính thức:..... đồng chí, dự bị:..... đồng chí.

Vắng mặt:..... đảng viên, trong đó chính thức:.... đồng chí, dự bị:..... đồng chí.

Lý do vắng mặt .....

Chủ trì hội nghị: Đồng chí..... Chức vụ: .....

Thư ký hội nghị: Đồng chí .....

Sau khi nghe báo cáo và thảo luận, Chi bộ thống nhất kết luận về quần chúng như sau:

Về lý lịch:.....

.....

Những ưu, khuyết điểm chính:

(Về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay; chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác và quan hệ quần chúng)

.....

.....

Đối chiếu với Quy định của Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, số đảng viên chính thức tán thành việc kết nạp quần chúng ..... vào Đảng..... đồng chí (đạt..... %) so với tổng số đảng viên chính thức. Số đảng viên chính thức không tán thành..... đồng chí (....%) với lý do .....

Chi bộ đề nghị Đảng ủy xét kết nạp quần chúng ..... vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

T/M CHI BỘ
BÍ THƯ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nơi nhận:
- Đảng ủy.....
(để báo cáo),
- Lưu chi bộ.

9. Báo cáo của đảng ủy bộ phận thẩm định nghị quyết đề nghị kết nạp đảng viên của chi bộ (Mẫu 7-KNĐ)

ĐẢNG BỘ.....	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
ĐẢNG ỦY.....	
*	*....., ngày... tháng... năm...*
Số:.....-BC/ĐU	

BÁO CÁO
về việc thẩm định nghị quyết đề nghị kết nạp đảng viên

Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Ngày... tháng... năm..., Đảng ủy bộ phận..... đã họp để thẩm định nghị quyết của chi bộ..... đề nghị kết nạp quần chúng..... vào Đảng.

Tổng số ủy viên Ban Chấp hành..... đồng chí. Có mặt:..... đồng chí. Vắng mặt:..... đồng chí.

Lý do vắng mặt: .....

Chủ trì hội nghị: Đồng chí..... Chức vụ. ....

Thư ký hội nghị: Đồng chí .....

Sau khi xem xét Nghị quyết số.....-NQ/CB ngày... tháng... năm... của Chi bộ..... về việc

đề nghị kết nạp quần chúng..... vào Đảng, Đảng ủy thống nhất kết luận như sau:

- Chi bộ đã thực hiện đúng (hoặc chưa đúng) thẩm quyền, đúng (hoặc chưa đúng, hoặc còn thiếu) thủ tục quy định.

Đối chiếu với Quy định của Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, Đảng ủy bộ phận ..... báo cáo với Đảng ủy cơ sở ..... xét (hoặc không) kết nạp quần chúng ..... vào Đảng với sự tán thành của ..... đồng chí (đạt.....%) so với tổng số cấp ủy viên; số không tán thành ..... đồng chí (chiếm.....%) với lý do .....

.....

Đề nghị Đảng ủy cơ sở:

- Xét kết nạp quần chúng vào Đảng. Chi bộ phải làm lại (hoặc không) thủ tục.

- (Hoặc không) xét kết nạp quần chúng vào Đảng.

T/M ĐẢNG ỦY BỘ PHẬN
BÍ THƯ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nơi nhận:
- Đảng ủy.....
(để báo cáo),
- Lưu.

10. Nghị quyết đề nghị kết nạp đảng viên của đảng ủy cơ sở (Mẫu 8-KNĐ)

ĐẢNG BỘ.....
ĐẢNG ỦY.....
*
Số:.....-NQ/ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày... tháng... năm...

NGHỊ QUYẾT
đề nghị kết nạp đảng viên

Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Ngày... tháng... năm..., Ban Chấp hành Đảng bộ ..... đã họp để xét, đề nghị kết nạp quần chúng ..... vào Đảng.

Tổng số ủy viên Ban Chấp hành..... đồng chí, có mặt: ..... đồng chí, vắng mặt:..... đồng chí.

Lý do vắng mặt: .....

Chủ trì hội nghị: Đồng chí ..... Chức vụ:.....

Thư ký hội nghị: Đồng chí .....

Sau khi xem xét Nghị quyết số .....-NQ/CB ngày... tháng... năm... của Chi bộ....., Báo cáo số ...-BC/ĐU ngày... tháng... năm... của Đảng ủy bộ phận..... (nếu có) về việc đề nghị kết nạp quần chúng

vào Đảng, Đảng ủy thống nhất kết luận về quần chúng..... như sau:

Về lý lịch:.....

.....

Những ưu, khuyết điểm chính:

(Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống; quan hệ quần chúng)

.....

.....

Đối chiếu với Quy định của Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn và điều kiện kết nạp đảng viên, Đảng ủy đã xét và biểu quyết kết nạp quần chúng..... vào Đảng, kết quả như sau:

- Đồng ý kết nạp vào Đảng..... đồng chí (đạt....%) so với tổng số cấp ủy viên.

- Không đồng ý kết nạp vào Đảng ..... đồng chí (chiếm.....%) với lý do .....

.....

Đề nghị Ban Thường vụ ..... xem xét, quyết định kết nạp quần chúng ..... vào Đảng.

T/M ĐẢNG ỦY
BÍ THƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Nơi nhận:
- Ban Thường vụ.....
(để báo cáo),
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

11. Quyết định kết nạp đảng viên của cấp ủy có thẩm quyền (nền hoa văn) (Mẫu 9-KNĐ)

ĐẢNG BỘ.....
HUYỆN ỦY.....
*
Số:.....-QĐ/HU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Kết nạp đảng viên

- Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét đơn xin vào Đảng của quần chúng.....
- Xét Nghị quyết số .....-NQ/CB ngày... tháng... năm... của Chi bộ ....., Nghị quyết số .....-NQ/ĐU ngày... tháng... năm... của Đảng ủy..... về việc đề nghị kết nạp quần chúng..... vào Đảng.

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết nạp quần chúng .....
Sinh ngày..... tháng..... năm .....
Quê quán:.....
vào Đảng Cộng sản Việt Nam và phải trải qua

thời gian dự bị 12 tháng tính từ ngày Chi bộ tổ chức lễ kết nạp.

Điều 2. Chi bộ..... chịu trách nhiệm tổ chức lễ kết nạp đồng chí..... vào Đảng theo đúng thủ tục đã quy định.

Điều 3. Ban Tổ chức, Văn phòng Huyện ủy, Đảng ủy....., Chi bộ..... và đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Nơi nhận:
- Như Điều 3,
- Lưu hồ sơ đảng viên.

Chi bộ tổ chức lễ kết nạp
Ngày... tháng... năm...

T/M CHI BỘ
BÍ THƯ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

12. Quyết định kết nạp lại người vào Đảng của cấp ủy có thẩm quyền (nền hoa văn) (Mẫu 9A-KNĐ)

ĐẢNG BỘ..... **HUYỆN ỦY.....** * Số:.....-QĐ/HU	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *....., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Kết nạp lại người vào Đảng

- Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; điểm 9, Quy định số 29-QĐ/TW ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Xét đơn xin kết nạp lại vào Đảng của quần chúng .....

- Xét Nghị quyết số.....-NQ/CB ngày... tháng... năm... của Chi bộ ....., Nghị quyết số .....-NQ/ĐU ngày... tháng... năm... của Đảng ủy..... về việc đề nghị kết nạp lại quần chúng..... vào Đảng.

- Căn cứ Công văn số.....-CV/TU ngày... tháng... năm... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý kết nạp lại quần chúng nói trên vào Đảng.

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết nạp lại quần chúng.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Quê quán:.....

vào Đảng Cộng sản Việt Nam và phải trải qua thời gian dự bị 12 tháng tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp lại vào Đảng.

Điều 2. Chi bộ..... chịu trách nhiệm tổ chức lễ kết nạp lại đồng chí..... vào Đảng theo đúng thủ tục đã quy định.

Điều 3. Ban Tổ chức, Văn phòng Huyện ủy, Đảng ủy....., Chi bộ..... và đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Nơi nhận:
- Như Điều 3,
- Lưu hồ sơ đảng viên.

Chi bộ tổ chức lễ kết nạp
Ngày... tháng... năm...

T/M CHI BỘ
BÍ THƯ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

13. Quyết định kết nạp đảng viên của đảng ủy cơ sở được ủy quyền (nền hoa văn) (Mẫu 9B-KNĐ)

ĐẢNG BỘ.....
HUYỆN ỦY.....
*
Số:.....-QĐ/HU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Kết nạp đảng viên

- Căn cứ Điều 4, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số..... -QĐ ngày... tháng... năm... của..... ủy quyền cho Đảng ủy được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên;
- Xét đơn xin vào Đảng của quần chúng.....;
- Xét Nghị quyết số.....-NQ/CB ngày... tháng... năm... của Chi bộ..... về việc đề nghị kết nạp quần chúng..... vào Đảng,

BAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết nạp quần chúng .....

Sinh ngày... tháng... năm...

Quê quán: .....

vào Đảng Cộng sản Việt Nam và phải trải qua thời gian dự bị 12 tháng tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp vào Đảng.

Điều 2. Chi bộ..... chịu trách nhiệm tổ chức lễ kết nạp đồng chí..... vào Đảng theo đúng thủ tục đã quy định.

Điều 3. Văn phòng Đảng ủy, Chi bộ..... và đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M ĐẢNG ỦY
BÍ THƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Nơi nhận:
- Ban Thường vụ :.....
(để báo cáo)
- Như Điều 3,
- Lưu hồ sơ đảng viên.

Chi bộ tổ chức lễ kết nạp
Ngày... tháng... năm...

T/M CHI BỘ
BÍ THƯ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu 5

Bài 1

KHÁI QUÁT
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 7

I- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời - bước ngoặt quyết định của cách mạng Việt Nam 8

II- Thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng 18

III- Những truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam 36

Bài 2

CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC
TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ
LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 42

A- Cương lĩnh của Đảng qua các thời kỳ 42

I- Cương lĩnh 42

II- Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ 45

B- Nội dung cơ bản của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) 54
I- Quá trình cách mạng và những bài học kinh nghiệm 54
II- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta 58
III- Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại 70
IV- Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng 82

Bài 3

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 89

I- Giới thiệu khái quát về Điều lệ Đảng 89
II- Kết cấu của Điều lệ Đảng 92
III- Một số nội dung cơ bản của Điều lệ Đảng 100

Bài 4

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH 129

I- Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 129
II- Những nội dung chủ yếu của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 143
III- Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 173

Bài 5

PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 180

I- Điều kiện để được xét kết nạp vào Đảng 180

II- Nội dung phấn đấu trở thành đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam 188

III- Đoàn viên thanh niên phấn đấu để trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam 201

Phụ lục 207